



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

1

Tháng 01 - 2012

HỘI NGHỊ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH NĂM 2012 CỦA NGÀNH XÂY DỰNG

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2012



Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng phát biểu chỉ đạo Hội nghị



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng báo cáo tại Hội nghị

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Các bạn đọc và cộng tác viên thân mến!

Trong nhiều năm qua, Ấn phẩm Thông tin Xây dựng cơ bản và Khoa học công nghệ xây dựng được sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên của lãnh đạo Bộ Xây dựng và sự giúp đỡ, công tác nhiệt tình của các cơ quan, đơn vị trong Ngành đã không ngừng được nâng cao về chất lượng nội dung và hình thức, phục vụ đắc lực công tác chỉ đạo, điều hành - quản lý của Lãnh đạo Bộ, và các cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng ở các địa phương trong cả nước.

Năm 2012, Ấn phẩm Thông tin Xây dựng cơ bản và Khoa học công nghệ xây dựng rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Xây dựng; sự cộng tác, ủng hộ của các đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài ngành Xây dựng; của các cộng tác viên để Ấn phẩm ngày càng đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu của các bạn đọc và các cộng tác viên.

Nhân dịp năm mới Xuân Nhâm Thìn - 2012, Trung tâm Thông tin - đơn vị phát hành Ấn phẩm Thông tin Xây dựng cơ bản và Khoa học công nghệ xây dựng xin kính chúc toàn thể Quý độc giả, các cộng tác viên cùng gia đình lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM THÔNG TIN

TS. ĐẶNG KIM GIAO

THÔNG TIN XÂY DỰNG CƠ BẢN & KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI BA

1

SỐ 1 - 01/2012

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Nghị định số 124/2011/NĐ-CP của Chính phủ sửa 6
đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-
CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung
cấp và tiêu thụ nước sạch
- Quyết định số 2427/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính 7
phủ Phê duyệt Chiến lược khoáng sản đến năm 2020,
tầm nhìn đến năm 2030
- Thông tư số 44/2011/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên 8
và Môi trường về Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc
gia về môi trường QCVN 41: 2011/BTNMT - Quy chuẩn
kỹ thuật quốc gia về đồng xử lý chất thải nguy hại trong
lò nung xi măng

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 42/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân 10
dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy định quản lý một số
lĩnh vực trong hoạt động thoát nước đô thị và khu công
nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa
- Quyết định số 04/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân 11
dân thành phố Bến Tre về việc ban hành Quy định cơ
cấu vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị, giao
thông nông thôn từ nguồn vốn ngân sách và khoản
đóng góp tự nguyện của nhân dân
- Quyết định số 1662/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân 12
tỉnh Hà Nam phê duyệt Kế hoạch hành động triển khai
thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với
biến đổi khí hậu giai đoạn 2012 – 2020



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

CHIU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

(Trưởng ban)

CN.BẠCH MINH TUẤN (Phó ban)

KS.HUYỀN PHƯỚC

CN.ĐỖ KIM NHẬN

CN.BÙI QUỲNH ANH

CN.TRẦN THU HUYỀN

CN.NGUYỄN BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN LỆ MINH

CN. PHẠM KHÁNH LY

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài: 15
 - + “Nghiên cứu sử dụng cuội sỏi khu vực sông Cam Lộ- Quảng Trị làm cốt liệu cho bê tông và cốt liệu cho đường giao thông”
 - + Quy trình tổng quát về khảo sát, phân tích và đánh giá sự cố công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp 17
 - + “Sổ tay Thanh tra chuyên ngành xây dựng - tập 2” 18
- Hội nghị Thẩm định Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thành phố Nha Trang đến năm 2025 19
- Danh sách các phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng được công nhận tháng 11-12/2011 21
- Hội thảo khoa học: “Động viên nguồn lực tài chính từ đất đai để đầu tư phát triển hạ tầng cơ sở” 23
- Những đặc điểm nổi bật trong tự chủ sáng tạo và xây dựng đô thị của Singapore 25
- Bê tông 2% xi măng - hỗn hợp bê tông độc đáo được trao Giải thưởng sáng tạo của Hiệp hội kỹ sư xây dựng dân dụng Mỹ (ASCE) 30

Thông tin

- Hội nghị triển khai nhiệm vụ kế hoạch năm 2012 ngành Xây dựng 32
- Hội nghị tổng kết phong trào công nhân viên chức lao động và công tác công đoàn năm 2011 của Công đoàn Xây dựng Việt Nam 35
- Hội nghị tổng kết công tác năm 2011 và chương trình công tác năm 2012 của Cục Quản lý nhà và Thị trường Bất động sản 37
- Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khảo sát và xây dựng tổng kết công tác năm 2011 và triển khai phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 2012 40
- Ngành Xây dựng Trung Quốc sau 10 năm gia nhập WTO 41
- Sáng tạo chế độ quản lý Quỹ tiết kiệm nhà ở, triệt để phát huy dụng bảo đảm nhà ở 44
- Đặc trưng vùng miền trong quy hoạch bảo tồn quần thể công trình kiến trúc cổ Cung Vạn Thọ, tỉnh Quý Châu, Trung Quốc 47



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Nghị định số 124/2011/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch

Ngày 28/12/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định 124/2011/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

Theo Nghị định số 124/2011/NĐ-CP, bổ sung khoản 3, Điều 6 Nghị định 117/2007/NĐ-CP như sau: Đơn vị cấp nước được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với công trình cấp nước bao gồm công trình khai thác, xử lý nước, đường ống và công trình trên mạng lưới đường ống cấp nước, các công trình hỗ trợ quản lý, vận hành hệ thống cấp nước (nhà hành chính, nhà quản lý, điều hành, nhà xưởng, kho bãi vật tư, thiết bị); bổ sung khoản 2 Điều 12: Quy hoạch cấp nước được tổ chức lập như một đề án quy hoạch riêng trong trường hợp quy hoạch cấp nước đô thị cho các đô thị là thành phố trực thuộc Trung ương (và các đô thị khác nếu xét thấy cần thiết) nhằm cụ thể hóa định hướng cấp nước đã được xác định trong quy hoạch chung đô thị; bổ sung Điều 13: Giai đoạn quy hoạch cấp nước vùng theo giai đoạn quy hoạch xây dựng vùng. Thời gian lập đề án quy hoạch cấp nước vùng không quá 18 tháng, kể từ ngày nhiệm vụ quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Điều 21: Giai đoạn quy hoạch cấp nước đô thị theo giai đoạn quy hoạch chung đô thị. Thời gian lập đề án quy hoạch cấp nước đô thị không quá 9 tháng, kể từ ngày nhiệm vụ quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

Điều 22 được sửa đổi, bổ sung về: Nội dung nhiệm vụ quy hoạch cấp nước đô thị; Bản vẽ sơ đồ vị trí, ranh giới và mối quan hệ vùng; Thời gian lập nhiệm vụ quy hoạch cấp nước đô thị;

Điều 24 về nội dung đề án quy hoạch cấp nước đô thị bổ sung: Đánh giá hiện trạng hệ thống cấp nước; Đánh giá cụ thể trữ lượng, chất lượng các nguồn nước mặt, nước ngầm và khả năng khai thác cho cấp nước; Xác định các chỉ tiêu cấp nước cho các mục đích sử dụng, nhu cầu cấp nước; Lựa chọn cụ thể nguồn cấp nước, xác định nhu cầu, phân cấp vùng nước và xác định nhu cầu sử dụng đất cho các công trình cấp nước; Xác định mạng lưới đường ống cấp nước vị trí, quy mô công suất các công trình cấp nước; Xác định chương trình và dự án đầu tư ưu tiên, xác định sơ bộ tổng mức đầu tư, dự kiến nguồn lực thực hiện; Đề xuất các quy định bảo vệ nguồn nước, bảo vệ hệ thống cấp nước; Đánh giá môi trường chiến lược;

Điều 30 được bổ sung, sửa đổi về nội dung khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng cấp nước được Nhà nước hỗ trợ: Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng ngoài hàng rào như cấp điện, đường; Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng khi triển khai dự án cấp nước tại đô thị; Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng và một phần chi phí đầu tư xây dựng công trình khi triển khai dự án cấp nước cho những vùng đặc biệt khó khăn về nguồn nước, dân tộc ít người, miền núi và hải đảo; Ưu tiên sử dụng các nguồn tài chính ưu đãi

cho dự án đầu tư cấp nước, không phân biệt đối tượng sử dụng; Ưu tiên hỗ trợ lãi xuất sau đầu tư các dự án cấp nước sử dụng nguồn vốn vay thương mại;

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/02/2012.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Quyết định số 2427/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược khoáng sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

Ngày 22/12/2011 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2427/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược khoáng sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Nội dung của Chiến lược bao gồm: ưu tiên đầu tư cho điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản cả phần đất liền và biển, hải đảo để làm rõ tiềm năng tài nguyên khoáng sản; thăm dò, khai thác khoáng sản gắn với chế biến và sử dụng hiệu quả; cân đối giữa khai thác và dự trữ khoáng sản; phát triển bền vững công nghiệp khai khoáng gắn với bảo vệ môi trường và đảm bảo quốc phòng - an ninh.

Theo Chiến lược, khoáng sản là tài nguyên không tái tạo, là tài sản quan trọng của quốc gia cần phải được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển bền vững kinh tế - xã hội trước mắt, lâu dài và bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường. Trong công tác chế biến khoáng sản cần phải sử dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế cao; chủ yếu phục vụ cho nhu cầu sử dụng trong nước, chỉ xuất khẩu sản phẩm sau chế biến có giá trị kinh tế cao đối với khoáng sản quy mô lớn.

Mục tiêu đề ra của Chiến lược là: hoàn thành công tác lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỉ lệ 1/50.000 trên diện tích lãnh thổ, hoàn thành công tác điều tra địa chất, khoáng sản tỉ lệ 1/50.000, đánh giá làm rõ tiềm năng tài nguyên khoáng sản phục vụ khai

thác và dự trữ quốc gia; thăm dò đáp ứng nhu cầu khai thác, chế biến đến năm 2050 đối với các khoáng sản than, urani, titan – zircon, đất hiếm, apatit, sắt, chì, kẽm, đồng, thiếc, man-gan, cromit, bauxit, cát thủy tinh và một số khoáng sản khác; khai thác khoáng sản phải gắn với chế biến, tạo ra các sản phẩm có giá trị kinh tế cao, đến năm 2020 chấm dứt các cơ sở chế biến khoáng sản manh mún, công nghệ lạc hậu, hiệu quả kinh tế thấp, gây ô nhiễm môi trường, hình thành các khu công nghiệp chế biến khoáng sản tập trung với công nghệ tiên tiến, có quy mô tương xứng với tiềm năng của từng loại khoáng sản; chỉ xuất khẩu sản phẩm sau chế biến có giá trị cao đối với khoáng sản quy mô lớn, các khoáng sản còn lại khai thác chế biến theo nhu cầu trong nước, tăng cường dự trữ khoáng sản quốc gia làm cơ sở phát triển bền vững kinh tế - xã hội; khuyến khích hợp tác điều tra, thăm dò, khai thác, chế biến một số loại khoáng sản ở nước ngoài, ưu tiên các khoáng sản ở Việt Nam có nhu cầu sử dụng.

Khai thác chế biến khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường phải gắn với an toàn lao động, bảo vệ cảnh quan môi trường. Không khai thác vật liệu xây dựng ở chân sườn đồi, núi, dọc theo các tuyến đường quốc lộ để bảo vệ cảnh quan.

Tại Quyết định phê duyệt Chiến lược Khoáng sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các địa phương và Trung ương phải phối hợp chặt chẽ để đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra hoạt

động khoáng sản; xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật trong hoạt động khoáng sản, tạo cơ chế và tái cấu trúc công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản; xây dựng quy hoạch khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản và phù hợp với định hướng của Chiến lược, khoanh định các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

Hàng năm ưu tiên bố trí đủ kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản theo quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt; tăng cường đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ mới trong lĩnh vực điều tra địa

chất về khoáng sản, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản; điều chỉnh các chính sách tài chính có liên quan đến hoạt động xuất khẩu khoáng sản theo hướng chỉ xuất khẩu sản phẩm sau chế biến có giá trị cao đối với khoáng sản có quy mô lớn; xây dựng cơ chế ưu đãi nghề phù hợp với đặc thù nghề nghiệp, đảm bảo ổn định phát triển nguồn nhân lực cho điều tra, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Thông tư số 44/2011/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường QCVN 41: 2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đồng xử lý chất thải nguy hại trong lò nung xi măng

Ngày 26/12/2011 Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 44/2011/TT-BTNMT Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường QCVN 41: 2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đồng xử lý chất thải nguy hại trong lò nung xi măng.

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đồng xử lý chất thải nguy hại trong lò nung xi măng áp dụng đối với các cơ sở, dây chuyền sản xuất xi măng áp dụng đồng xử lý chất thải nguy hại (CTNH) trong lò nung xi măng, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đồng xử lý CTNH trong lò nung xi măng. Theo Quy chuẩn này, yêu cầu chung đối với cơ sở xi măng đồng xử lý CTNH là phải có sử dụng công nghệ lò quay phương pháp khô; có địa điểm không thuộc những khu vực theo quy định tại Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 7/5/2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị, vùng ngoại thành có khoảng cách tới ranh giới nội thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I dưới 05km, vùng rừng đặc dụng, khu di

sản thiên nhiên, di tích lịch sử, văn hóa được xếp hạng; Phải có biện pháp làm nguội khí thải từ ống khói chính xuống dưới 200⁰C trước khi thải ra môi trường; Phải có hệ thống tiếp nhận, lưu giữ tạm thời và nạp chất thải một cách an toàn, hợp lý theo quy định; Đáp ứng các yêu cầu quy định tại Thông tư này.

Đối với các thông số ô nhiễm đặc trưng chung trong khí thải công nghiệp sản xuất xi măng, áp dụng cho khí thải đồng xử lý CTNH trong điều kiện hoạt động bình thường, nồng độ tối đa cho phép được tính theo công thức:

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó, C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm đặc trưng chung trong khí thải đồng xử lý CTNH, được tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³); C là nồng độ làm cơ sở tính toán nồng độ tối đa cho phép (C_{max}) của các thông số ô nhiễm đặc trưng chung trong trong khí thải đồng xử lý CTNH; K_p là hệ số công suất và K_v là hệ số vùng – khu vực.

Việc vận hành thử quy trình xử lý phải được tiến hành theo quy định tại Thông tư này. Trường hợp vận hành thử nghiệm đồng xử lý CTNH có chứa thành phần halogen hữu cơ vượt ngưỡng quy định tại QCVN 07: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại thì phải giám sát thông số Dioxin/Furan theo quy định tại Quy chuẩn này. CTNH trước khi được nạp vào đồng xử lý phải đảm bảo ổn định về mặt chất lượng, số lượng và nhiệt trị, cũng như đồng nhất về kích thước, tính chất, thành phần hoá học để không ảnh hưởng đến việc vận hành bình thường của lò nung, chất lượng sản phẩm và khí thải.

Ngoài các quy trình chung về nạp liệu của sản xuất xi măng, việc nạp CTNH vào đồng xử lý phải tuân thủ các yêu cầu cụ thể sau: Không được nạp CTNH khi lò nung còn ở chế độ sấy trong quá trình khởi động hoặc mức nạp liệu dưới 75% định mức vận hành tối ưu; Không được nạp chất thải (nguy hại và thông thường) có chứa halogen vào bộ phận tiền nung hoặc tiền canxi hóa; Không được nạp chất thải hữu cơ (nguy hại và thông thường) vào bộ phận tiền nung; Giữ ổn định mức nạp CTNH khi lò nung chạy ổn định với định mức vận hành tối ưu.

Yêu cầu về quy trình dừng lò nung như sau: Trường hợp dừng lò nung khẩn cấp, phải ngừng ngay việc nạp CTNH trước khi ngừng nạp nguyên liệu và nhiên liệu truyền thống đồng thời phải tuân thủ nghiêm ngặt quy trình dừng lò nung theo quy định. Trường hợp dừng lò nung theo lịch trình, phải ngừng nạp chất thải ít nhất 02 giờ trước khi dừng lò nung, chuyển sang sử dụng nhiên liệu, nguyên liệu truyền thống và tiến hành các bước dừng lò nung theo quy định.

Yêu cầu về quan trắc, giám sát môi trường Phải có thiết bị quan trắc tự động liên tục khí thải đồng xử lý CTNH đối với ít nhất hai thông số nhiệt độ và CO. Các thông số quan trắc tự động liên tục khác do cơ quan cấp phép hành nghề quản lý CTNH yêu cầu tùy theo tình hình thực tế.

Phương pháp xác định nồng độ các thông số ô nhiễm quy định tại Quy chuẩn này được thực hiện theo các Tiêu chuẩn quốc gia: TCVN 5977: 2009 - Phát thải của nguồn tĩnh - Xác định nồng độ khối lượng của bụi bằng phương pháp thủ công; TCVN 6750: 2000 - Sự phát thải của nguồn tĩnh - Xác định nồng độ khối lượng lưu huỳnh dioxit – Phương pháp sắc ký khí ion; TCVN 7172: 2002 - Sự phát thải của nguồn tĩnh - Xác định nồng độ khối lượng nitơ oxit – Phương pháp trắc quang dùng naphtyletylendi-amin; TCVN 7242: 2003 - Lò đốt chất thải rắn y tế - Phương pháp xác định nồng độ cacbon monoxit (CO) trong khí thải; TCVN 7243: 2003 - Lò đốt chất thải rắn y tế - Phương pháp xác định nồng độ axit flohydric (HF) trong khí thải; TCVN 7244: 2003 - Lò đốt chất thải rắn y tế - Phương pháp xác định nồng độ axit clohydric (HCl) trong khí thải; TCVN 7245: 2003 - Lò đốt chất thải rắn y tế - Phương pháp xác định nồng độ nitơ oxit (NOx) trong khí thải; Khi chưa có các Tiêu chuẩn quốc gia để xác định nồng độ của các thông số ô nhiễm được quy định tại Quy chuẩn này thì áp dụng tiêu chuẩn quốc tế có độ chính xác tương đương hoặc cao hơn.

Cơ sở xi măng đồng xử lý CTNH đã hoạt động theo Giấy phép quản lý CTNH trước ngày Quy chuẩn này có hiệu lực tạm thời thực hiện theo nội dung quy định tại Báo cáo Đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Giấy phép đã được cấp và phải nâng cấp, điều chỉnh về mặt kỹ thuật để đáp ứng quy định tại Quy chuẩn này trước ngày 01/01/2014. Các cơ sở, dây chuyền sản xuất xi măng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của Quy chuẩn này được phép đồng xử lý chất thải thông thường. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Tiêu chuẩn quốc gia viện dẫn trong Quy chuẩn này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản mới.

Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 01/03/2012.

(Xem toàn văn tại: www.nea.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG**Quyết định số 42/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy định quản lý một số lĩnh vực trong hoạt động thoát nước đô thị và khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

Ngày 19/12/2011 UBND tỉnh Khánh Hòa đã ra Quyết định số 42/2011/QĐ-UBND ban hành Quy định quản lý một số lĩnh vực trong hoạt động thoát nước đô thị và khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Quy định này quy định trách nhiệm của các cơ quan, hộ thoát nước về: đầu tư phát triển, quản lý vận hành, khai thác hệ thống thoát nước tại khu vực đô thị và các khu công nghiệp, khu du lịch, khu kinh tế, khu công nghệ cao (sau đây gọi tắt là khu công nghiệp) trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Đối tượng áp dụng là các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, tổ chức, cá nhân và hộ gia đình trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến thoát nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Các quy định về chất lượng nước xả thải gồm: Nước thải từ hệ thống thoát nước đô thị, khu công nghiệp, từ các hộ thoát nước đơn lẻ xả ra nguồn tiếp nhận phải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành. Nước thải từ các hộ thoát nước (hộ gia đình, cơ quan hành chính sự nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ) xả vào hệ thống thoát nước đô thị, khu công nghiệp phải bảo đảm các quy chuẩn nước thải xả vào hệ thống thoát nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Theo Quy định này nguyên tắc kết hợp công trình thoát nước với các công trình hạ tầng kỹ thuật khác là: Các đồ án quy hoạch, dự án đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật khác (giao thông, thủy lợi,...) phải bảo đảm tính đồng bộ với hệ thống thoát nước đô thị và khu công nghiệp có liên quan và được cơ quan quản lý

nhà nước về thoát nước xem xét thống nhất bằng văn bản trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; Việc quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước phải kết hợp với các công trình hạ tầng khác. Đối với các khu công nghiệp, đô thị mới hình thành phải quy hoạch, xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng; Khi cải tạo, mở rộng, xây dựng mới các công trình hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là công trình giao thông có liên quan đến hệ thống thoát nước đô thị và khu công nghiệp, chủ đầu tư phải có phương án đảm bảo an toàn cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật đã có trước, bảo đảm thoát nước bình thường và có nghĩa vụ cải tạo, phục hồi hoặc xây dựng mới đồng bộ các hạng mục công trình thoát nước có liên quan, đảm bảo vệ sinh môi trường trong và sau khi cải tạo, xây dựng; Cơ quan quản lý nhà nước về thoát nước tại địa phương, đơn vị thoát nước được giao quản lý, vận hành hệ thống thoát nước trên địa bàn có quyền và nghĩa vụ tham gia giám sát quá trình xây dựng các hạng mục công trình thoát nước của các dự án đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật có liên quan. Đơn vị thoát nước có quyền từ chối nhận bàn giao công trình thoát nước nếu chất lượng xây dựng không bảo đảm theo quy định.

UBND cấp huyện là chủ sở hữu công trình thoát nước trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý. Các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới sở hữu, quản lý, vận hành hệ thống thoát nước trên địa bàn do mình quản lý đến khi bàn giao theo quy định. Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình thoát nước do

mình bỏ vốn đầu tư đến khi bàn giao cho UBND cấp huyện (nếu có quy định trong giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư). Ban Quản lý khu công nghiệp#p là chủ sở hữu các công trình thoát nước của khu công nghiệp được đầu tư từ nguồn vốn có nguồn gốc nhà nước do mình quản lý.

Việc lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước phải tuân theo các quy định của Nghị định số 88/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007 của Chính phủ, các quy định khác có liên quan của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình. Việc lựa chọn phương án kỹ thuật, công nghệ và quy mô công suất, xác định tổng mức đầu tư của dự án phải được xem xét một cách đồng bộ với chi phí quản lý, vận hành để bảo đảm hiệu quả kinh tế tổng hợp của dự án.

Các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát

nước và các dự án khác có hệ thống thoát nước đi kèm sử dụng vốn có nguồn gốc từ vốn nhà nước, khi đầu tư xây dựng hoàn thành, chủ đầu tư có trách nhiệm bàn giao cho chủ sở hữu và đơn vị thoát nước trên địa bàn để tổ chức quản lý và vận hành. Trường hợp công trình thoát nước có chủ đầu tư vừa là chủ sở hữu vừa là đơn vị thoát nước thì chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bàn giao giữa các đơn vị trực thuộc. Thời gian bàn giao chậm nhất là sau 12 tháng kể từ ngày hết thời gian bảo hành của công trình.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 121/2004/QĐ-UB ngày 22/04/2004 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Quy chế quản lý hệ thống thoát nước đô thị tỉnh Khánh Hòa.

(Xem toàn văn tại: www.khanhhoa.gov.vn)

Quyết định số 04/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre về việc ban hành Quy định cơ cấu vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị, giao thông nông thôn từ nguồn vốn ngân sách và khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân

Ngày 16/12/2011 UBND thành phố Bến Tre đã ra Quyết định số 04/2011/QĐ-UBND ban hành Quy định cơ cấu vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị, giao thông nông thôn từ nguồn vốn ngân sách và khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân. Việc quản lý, cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng như: Giao thông nông thôn, lộ hẻm đô thị, hệ thống thoát nước khu dân cư, chiếu sáng công cộng, bó lán vỉa hè... có sử dụng nguồn vốn từ đóng góp tự nguyện của nhân dân và ngân sách nhà nước hỗ trợ phải theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản và quản lý ngân sách.

Theo đó, UBND xã, phường, các đơn vị

được giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư phải đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, dân chủ, công khai minh bạch.

Theo Quy định này, công trình đầu tư mới, mặt đường rộng từ 3,5m trở lên thì ngân sách nhà nước đầu tư 100% giá trị công trình, nhân dân tự nguyện đóng góp đất đai, hoa màu, tự di dời vật kiến trúc. Đối với công trình do nhân dân tự đóng góp để đầu tư (do nhân dân tự làm) hoặc bằng vốn hỗ trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để phục vụ trực tiếp cho lợi ích cộng đồng dân cư trong địa phương thì ngân sách nhà nước hỗ trợ: Về kết cấu: Bê tông cốt thép; bê tông không cốt thép;

nhựa nguội hoặc nhựa thâm nhập; Về quy mô: Chiều dài đường tối thiểu từ 100m trở lên, bề dày lớn hơn 8cm (đối với đường bê tông); Chiều rộng mặt đường từ 2m đến dưới 3m ngân sách nhà nước hỗ trợ 25% giá trị công trình; Chiều rộng mặt đường từ 3m trở lên ngân sách nhà nước hỗ trợ 35% giá trị công trình; Đối với những tuyến đường đã được xây dựng, địa phương đề nghị được mở rộng mặt đường thành đường rộng từ 3m trở lên: nhà nước hỗ trợ 35% giá trị công trình cho phần mở rộng; Không hỗ trợ các công trình có chiều rộng mặt đường dưới 2m; Đối với công trình giao thông nhân dân tự làm, ngân sách nhà nước hỗ trợ có thể không lập hồ sơ thiết kế theo quy định đầu tư, chỉ lập hồ sơ dự toán thi công.

Đối với các công trình xây dựng bằng công bê tông cốt thép: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 70% giá trị công trình, vận động nhân dân tự nguyện đóng góp 30% giá trị công trình và đất đai, hoa màu, tự di dời vật kiến trúc để thoát nước trong khu vực tổ nhân dân tự quản.

Đối với các công trình xây dựng bằng công bê tông cốt thép có đầu nối vào hệ thống thoát nước công cộng để thoát nước mặt đường liên thông qua khu vực dân cư các khu phố, đường phố phục vụ cho việc xóa điểm đen ô nhiễm môi trường, phục vụ phát triển kinh tế, xây dựng xã, phường văn hoá, xây dựng nông thôn mới: ngân sách nhà nước hỗ trợ 90% giá trị công

trình, vận động nhân dân tự nguyện đóng góp 10% giá trị công trình và đất đai, hoa màu, tự di dời vật kiến trúc.

Đối với công trình quan trọng phục vụ phát triển kinh tế, an ninh, quốc phòng, vệ sinh môi trường: Ngân sách nhà nước đầu tư 100% giá trị công trình, nhân dân tự nguyện đóng góp đất đai, hoa màu, tự di dời vật kiến trúc.

Tập thể tổ nhân dân tự quản hoặc nhóm, cá nhân họp bàn chủ trương xây dựng, thông qua thiết kế sơ bộ, dự toán sơ bộ, mức đóng góp và thời gian đóng góp của từng hộ (có biên bản) và công khai cho nhân dân biết để thực hiện. Tập thể tổ nhân dân tự quản, ấp, khu phố hoặc nhóm cử đại diện của mình quản lý nguồn vốn huy động theo quy định để tổ chức điều hành quản lý trong quá trình thi công.

Thời gian áp dụng cho các công trình được quyết định phê duyệt từ ngày 01/01/2012. Các công trình đã khởi công từ năm 2011 trở về trước áp dụng theo quy định cũ. Quyết định này có hiệu lực sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND ngày 28/01/2011 của UBND thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre ban hành Quy định cơ cấu vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị, giao thông nông thôn từ nguồn vốn ngân sách và khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân.

(Xem toàn văn tại: www.bentre.gov.vn)

Quyết định số 1662/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam phê duyệt Kế hoạch hành động triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2012 - 2020

Ngày 22/12/2011 UBND tỉnh Hà Nam đã ban hành Quyết định số 1662/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch hành động của tỉnh Hà Nam triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2012 - 2020. Nội dung chủ yếu của Kế hoạch hành động này

là tăng cường năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu của con người và các hệ thống tự nhiên, phát triển nền kinh tế các-bon thấp nhằm bảo vệ và nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm an ninh và phát triển bền vững, bảo vệ cuộc sống của người dân, phòng tránh và giảm thiểu những

hiểm họa của biến đổi khí hậu.

Theo đó, mục tiêu của Kế hoạch hành động được đề ra gồm: Đảm bảo an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, xóa đói giảm nghèo, bình đẳng giới, an sinh xã hội, sức khỏe cộng đồng, nâng cao đời sống, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên trong bối cảnh biến đổi khí hậu; Nền kinh tế các-bon thấp, tăng trưởng xanh trở thành xu hướng chủ đạo trong phát triển bền vững; giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính dần trở thành chỉ tiêu bắt buộc trong phát triển kinh tế - xã hội; Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu của các Sở, ngành và cộng đồng; Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực; Hoàn thiện thể chế, chính sách, phát triển và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính; tận dụng các cơ hội từ biến đổi khí hậu để phát triển kinh tế - xã hội; phát triển và nhân rộng lối sống, mẫu hình tiêu thụ thân thiện với hệ thống khí hậu.

Chỉ tiêu thực hiện đến năm 2015: Hoàn thiện đề xuất các giải pháp cụ thể để phòng chống hiệu quả thiên tai; Hoàn thành việc rà soát và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất; Ưu tiên triển khai thực hiện nhiệm vụ trọng tâm trong Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai; Triển khai xây dựng thí điểm mô hình cộng đồng thích ứng với biến đổi khí hậu.

Chỉ tiêu thực hiện đến năm 2020: Hoàn thành triển khai các giải pháp cụ thể để phòng chống hiệu quả thiên tai; Hoàn thành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020; Hoàn thành việc rà soát, xây dựng các quy chuẩn xây dựng trong vùng thường xuyên bị thiên tai; Hoàn thiện các cơ sở hạ tầng kỹ thuật chủ yếu và quy hoạch các khu dân cư nhằm ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu; Hoàn thành tăng cường năng lực cho lực lượng tìm kiếm cứu nạn chuyên nghiệp, làm nòng cốt cho việc chỉ đạo phối hợp và hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng tìm kiếm cứu nạn để chủ động ứng phó khi có tình huống cấp bách

xảy ra; Nhân rộng mô hình cộng đồng thích ứng với biến đổi khí hậu.

Kế hoạch hành động đưa ra giải pháp thực hiện bằng cách xây dựng hệ thống tổ chức và các thể chế phù hợp để quản lý, điều hành triển khai Kế hoạch hành động nhằm triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu từ tỉnh tới huyện, thành phố, bao gồm: Xây dựng, bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến biến đổi khí hậu và các cơ chế chính sách khác để triển khai các hoạt động; Xây dựng cơ chế khuyến khích việc phối hợp thực hiện Kế hoạch hành động trên toàn tỉnh, các Sở, ban, ngành; Hoàn thiện hệ thống tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý từ cấp tỉnh đến huyện, thành phố. Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về biến đổi khí hậu; phổ biến kiến thức, nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu. Tăng cường hợp tác quốc tế nhằm tận dụng tối đa sự hỗ trợ quốc tế về tài chính, chuyển giao công nghệ, trao đổi thông tin và đào tạo nguồn nhân lực trong các hoạt động thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu.

Kinh phí thực hiện Kế hoạch hành động của tỉnh Hà Nam nhằm triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2012-2020 bao gồm 65 dự án, nhiệm vụ, tổng kinh phí ước tính khoảng 150 tỉ đồng (kinh phí này không bao gồm kinh phí cho việc triển khai các đề án, dự án, nhiệm vụ thuộc các chiến lược, chương trình đã được phê duyệt). Trong đó, Ngân sách Trung ương: khoảng 40%, ưu tiên đầu tư cho các dự án trọng điểm cấp bách, cụ thể là tập trung vào ứng phó với thiên tai, giảm phát thải khí nhà kính. Ngân sách Tỉnh: chủ động bố trí khoảng 20% tập trung vào việc tăng cường năng lực quản lý về biến đổi khí hậu, hoàn thiện cơ chế chính sách, xây dựng cộng đồng ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, phát triển nguồn nhân lực và nâng cao nhận thức cộng đồng. Vốn nước ngoài: xây dựng và ban

hành cơ chế phù hợp để huy động khoảng 30% nguồn vốn thực hiện Kế hoạch hành động từ sự hỗ trợ của quốc tế, các quỹ liên quan đến biến đổi khí hậu; hỗ trợ ODA; vay ưu đãi của Chính phủ các nước; đầu tư của các doanh nghiệp nước ngoài. Huy động từ các thành phần kinh tế và các nguồn vốn khác: xây dựng và ban hành cơ chế khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư khoảng 10% nguồn vốn thực hiện Kế hoạch hành động.

Nhà nước đảm bảo các nguồn lực cần thiết,

UBND tỉnh cần chủ động vận động tài trợ quốc tế, tăng cường huy động sự đóng góp của cộng đồng, doanh nghiệp. Chú trọng công tác phối hợp giữa các đơn vị, ban, ngành có liên quan. Tăng cường công tác quản lý, sử dụng các nguồn vốn đầu tư đạt hiệu quả cao; ưu tiên đầu tư cho các dự án cấp bách, không thể trì hoãn.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.hanam.gov.vn)

Nghiệm thu đề tài:

“Nghiên cứu sử dụng cuội sỏi khu vực sông Cam Lộ- Quảng Trị làm cốt liệu cho bê tông và cốt liệu cho đường giao thông”

Ngày 30/12/2011, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu đề tài: “Nghiên cứu sử dụng cuội sỏi khu vực sông Cam Lộ- Quảng Trị làm cốt liệu cho bê tông và cốt liệu cho đường giao thông” do ThS. Lê Việt Hùng – Viện Vật liệu xây dựng làm chủ nhiệm đề tài. Th.S Trần Đình Thái - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN và MT Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Xuất phát từ việc Công ty xây dựng Thống Nhất, tỉnh Ninh Bình đang thực hiện một số dự án xây dựng thuộc khu vực Cam Lộ và Hải Lăng tỉnh Quảng Trị, trong đó có dự án “Kè chống lở, chỉnh trị dòng chảy, đập dâng tích nước và xây dựng đường ứng cứu, ổn định dân cư phát triển hai bên bờ sông Cam Lộ”. Trong quá trình thực dự án, một lượng lớn cuội, sỏi, sạn cần được nạo vét, di dời. Theo bản vẽ thiết kế cho Hạng mục “Kè chống xói lở và chỉnh dòng chảy” của Dự án do Cty Cổ phần Tư Vấn Đầu Tư và Xây dựng Quảng Trị thực hiện đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, cuội, sỏi, sạn được khai thác tại 51 vị trí dọc theo sông Hiếu, suối Chìn Hin, suối khoáng nóng khu vực xã Cam Tuyên và Cam Thành, huyện Cam Lộ với tổng cộng khối lượng theo tính toán xấp xỉ khoảng 3,7 triệu m³, thực hiện trong 3 năm từ 2011 đến 2013. Theo khảo sát sơ bộ của Công ty, các loại cuội sỏi ở các sông này chủ yếu là cục cuội to cỡ hạt 20-40cm lẫn với cuội sỏi nhỏ và sạn, cát. Xét thấy việc sử dụng cuội sỏi tại khu vực này có hiệu quả, Công ty xây dựng Thống Nhất đã đầu tư dây chuyền sàng cốt liệu từ cuội sỏi tại Cam Lộ để phục vụ cho nhu cầu của Công ty.



Toàn cảnh cuộc họp của Hội đồng

Để có cơ sở sử dụng tốt từ cuội sỏi nghiên tại khu vực các sông Đăkrông, sông Hiếu, suối Chìn Hin, suối khoáng nóng thuộc huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị làm cốt liệu cho xây dựng, Công ty xây dựng Thống Nhất đã phối hợp với Viện Vật liệu xây dựng tiến hành khảo sát, lấy mẫu tại các vị trí khai thác cuội sỏi và lấy mẫu cuội sỏi nghiên từ dây chuyền nghiền sàng cuội sỏi làm cốt liệu cho xây dựng của Công ty xây dựng Thống Nhất tại Cam Lộ, Quảng Trị để đánh giá tính chất của cuội sỏi ban đầu, cuội sỏi qua nghiền và khả năng sử dụng cuội sỏi nghiền làm cốt liệu cho bê tông xi măng, bê tông atphan và cấp phối vật liệu đá dăm cho móng đường giao thông.

Thay mặt nhóm nghiên cứu ThS. Lê Việt Hùng đã đọc báo cáo tóm tắt kết quả của đề tài. Với khối lượng 105 trang, bố cục nội dung của đề tài chia ra làm 8 phần.

Qua quá trình lấy mẫu và phân tích cho thấy, khối lượng riêng và khối lượng thể tích của các mẫu đá cát kết nhỏ hơn một chút so với đá vôi, trong khi mẫu đá Magma xâm nhập dạng

syenit có khối lượng riêng, khối lượng thể tích lớn hơn so với mẫu đá vôi. Hầu hết các mẫu đá cát kết có độ hút nước trong khoảng 0,5 – 1,0%, điều này thể hiện độ hút nước của cuội sỏi không lớn, phù hợp với tiêu chuẩn EN 13043 về cốt liệu cho bê tông atphan. Về cường độ nén của các mẫu đá cuội là khá cao, dao động trong khoảng 80- 180MPa đối với các mẫu cuội cát kết và 180-200MPa đối với hai mẫu đá magma xâm nhập. Hầu hết các mẫu đá cuội đều có cường độ nén lớn hơn so với mẫu đá vôi đối chứng. Tuy nhiên qua thí nghiệm cũng cho thấy, tuy các mẫu đá cuội tuy lấy cùng một chỗ là sông Hiếu nhưng có cường độ dao động trong khoảng tương đối lớn. Điều này đòi hỏi, trong quá trình sản xuất cốt liệu từ loại cuội sỏi sông này, cần phải kiểm tra chất lượng chặt chẽ và độ ổn định của cốt liệu để có sự phân loại cốt liệu cần thiết trước khi sử dụng.

Đối với công nghệ sản xuất cuội sỏi làm cốt liệu xây dựng, sẽ có sự khác nhau tùy theo yêu cầu sử dụng cấp hạt của sản phẩm. Khi cần thay đổi kích thước của sản phẩm, lưới sàng của máy sàng rung phân loại sẽ được thay bằng loại có mắt lưới thích hợp để sản phẩm tạo ra có cấp hạt như yêu cầu. Qua nghiên cứu sử dụng cuội sỏi nghiền làm cốt liệu bê tông và cốt liệu cho đường bê tông cho thấy:

Nếu sử dụng cốt liệu lớn cuội sỏi nghiền thay thế cốt liệu lớn từ đá vôi, thì lượng dùng nước ban đầu để bê tông đạt được tính năng sử dụng phải tăng khoảng từ 3-6 lít/m³ bê tông trong cả trường hợp bê tông không độ sụt 8±2cm và bê tông sử dụng phụ gia siêu dẻo có độ sụt 18±2cm. Sau 30 phút tổn thất độ sụt của các hỗn hợp bê tông sử dụng cốt liệu cuội sỏi và đá vôi là tương đương nhau. Khối lượng thể tích của bê tông sử dụng cuội sỏi thấp hơn bê tông cốt liệu đá vôi khoảng 1,5 - 3% đối với các cấp phối bê tông có độ sụt 8±2cm và thấp hơn 0,6-1% với các cấp phối bê tông có độ sụt 18±2cm. Cường độ nén của bê tông sử dụng cốt liệu lớn từ cuội sỏi nghiền tương đương so với cường độ bê tông đá vôi cùng cấp phối vật

liệu. Đồng thời cũng không có sự khác biệt đáng kể giữa cường độ uốn và mô đun đàn hồi của các mẫu bê tông sử dụng cốt liệu lớn là cuội sỏi nghiền và đá vôi. Đặc biệt cốt liệu sỏi dầm từ cuội sỏi nghiền khi sử dụng làm cốt liệu cho bê tông xi măng không có nguy cơ gây phản ứng kiềm silic cho cốt liệu. Cốt liệu sỏi dầm từ cuội sỏi nghiền chứa lượng không đáng kể các tạp chất và chất gây hại cho tính chất bê tông như Clorua, sunphat, SiO₂ vô định hình, khoáng vật sét gây trương nở thể tích khi gặp ẩm và các chất gây chậm đông kết hoặc chậm phát triển cường độ bê tông.

Ngoài ra, từ cốt liệu sỏi dầm với các cấp hạt 20-40mm, 10-20mm, 2,5-10mm và mặt cuội sỏi 0-5mm có thể chế tạo được cấp phối đá dầm loại II với D_{max} 37,5mm và từ sỏi dầm với các cấp hạt 20-40mm, 10-20mm, 2,5-10mm và mặt đá nguyên khai 0-5mm có thể chế tạo được cấp phối đá dầm loại I với D_{max} 25mm, các cấp phối đá dầm từ sỏi dầm có thành phần hạt, hình dạng hạt và chỉ tiêu cơ lý phù hợp với các quy định trong tiêu chuẩn 22TCN 334:2006 đối với cấp phối đá dầm loại I hoặc loại II cho móng đường giao thông. Các tính chất cơ lý, tương quan về độ ẩm tối ưu và khối lượng thể tích lớn nhất, khả năng kháng nén lún CBR của cấp phối đá dầm từ sỏi dầm nghiền tương tự nhu cấp phối đá dầm từ đá vôi nghiền cùng thành phần cấp hạt. Qua nghiên cứu còn cho thấy, đá dầm từ cuội sỏi nghiền Cam Lộ có thể thay thế cốt liệu lớn từ các nguồn đá nguyên khai như đá vôi trong hỗn hợp cốt liệu cho bê tông nhựa đường. Các tính chất hình dạng, cỡ hạt và các tính chất cơ lý của cốt liệu lớn từ cuội sỏi nghiền hoàn toàn đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật đối với cốt liệu lớn cho sản xuất bê tông nhựa II theo tiêu chuẩn 22TCN249:1998, đối với yêu cầu cốt liệu cho bê tông nhựa loại I theo 22TCN249:1998 thì có hai chỉ tiêu đó là chỉ tiêu yêu cầu về 100% hàm lượng hạt đập vỡ và chỉ số nén đập xi lanh nhỏ hơn 8% thì cốt liệu từ cuội sỏi nghiền không thỏa mãn hai yêu cầu này. Tuy nhiên, theo các tiêu chuẩn của nước ngoài như tiêu chuẩn ASTM

D692, EN 12043, tiêu chuẩn một số tiểu bang của Mỹ quy định về cốt liệu lớn cho bê tông atphan thì các mẫu cuội sỏi nghiền thí nghiệm đều đáp ứng được yêu cầu làm cốt liệu lớn cho bê tông atphan kể cả loại bê tông atphan cho lớp mặt đường yêu cầu nồng độ ma sát cao. Thậm chí, bê tông atphan sử dụng cốt liệu lớn từ đá dăm cuội sỏi nghiền Cam Lộ còn có hàm lượng nhựa tối ưu tương đương với bê tông sử dụng cốt liệu lớn từ đá vôi nghiền. Các tính chất cơ lý của bê tông atphan cốt liệu lớn từ cuội sỏi nghiền hoàn toàn đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật đối với bê tông nhựa loại I và loại II theo tiêu chuẩn 22TCN249:1998. Ngoài ra, độ ổn định marshall của bê tông atphan cốt liệu cuội sỏi nghiền còn tốt hơn so với bê tông atphan cốt liệu đá vôi nghiền. Do đó có thể sử dụng cốt liệu sỏi dăm nghiền từ cuội sỏi thay thế cốt liệu nghiền từ đá vôi để phục vụ cho nhu cầu xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi trong địa bàn tỉnh.

Các thành viên trong Hội đồng đánh giá, đây là đề tài có ý nghĩa về mặt kinh tế và xã hội. Thông qua công tác nghiên cứu cho thấy cuội sỏi tại những khu vực này có chất lượng tốt, tính chất mài mòn thấp hơn đá vôi, đặc biệt là không có nguy cơ gây phản ứng kiềm. Tuy nhiên trong quá trình nghiên cứu vẫn còn một số sai sót nhỏ, cần được điều chỉnh lại.

Phát biểu kết luận tại cuộc họp, Trần Đình Thái - Chủ tịch Hội đồng cho rằng, đây là kết quả nghiên cứu khá công phu, được thực hiện nghiêm túc và có trách nhiệm. Qua những ý kiến của các thành viên, Chủ tịch Hội đồng đã đề nghị nhóm đề tài tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung những sai sót, những phần còn thiếu trong đề tài để đề tài được hoàn thiện hơn.

Đề tài đã được Hội đồng đánh giá và xếp loại Xuất sắc./.

Bích Ngọc

Quy trình tổng quát về khảo sát, phân tích và đánh giá sự cố công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp

Ngày 29/12/2011, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu đề tài “Quy trình tổng quát về khảo sát, phân tích và đánh giá sự cố công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp” do PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng – Trường ĐHXD Hà Nội làm chủ nhiệm đề tài. TS. Nguyễn Trung Hòa – Vụ trưởng Vụ KHCN & MT, Bộ Xây dựng là Chủ tịch Hội đồng.

Theo báo cáo của chủ nhiệm đề tài, khi có sự cố xảy ra đối với các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, cơ quan có trách nhiệm cần tổ chức khảo sát, phân tích và đánh giá tình trạng hư hỏng của công trình để có phương hướng xử lý thích hợp. Nội dung công việc gồm: Tiếp cận và thu thập thông tin về sự cố; Phân tích nguyên nhân và diễn biến sự cố; Phân tích và đánh giá tình trạng của sự cố; Xác định trách nhiệm và bài học rút ra. Mục đích nghiên cứu của đề tài là tìm ra được quy trình



Toàn cảnh cuộc họp của Hội đồng

tổng quát giúp các nhà quản lý, nghiên cứu, cũng như các đơn vị có liên quan tìm hiểu được nguyên nhân gây ra các sự cố công trình, từ đó xác định được vai trò, trách nhiệm của các bên.

Căn cứ vào đặc điểm của công trình, tính chất và mức độ của sự cố mà chuẩn bị đầy đủ các phương tiện phục vụ cho công tác khảo sát.

Các loại phương tiện bao gồm các dụng cụ cầm tay để kiểm tra kích thước kết cấu, tình trạng sai lệch, biến dạng, kích thước các khe nứt, ..., các thiết bị chuyên dùng trong các thí nghiệm không phá hoại sử dụng tại hiện trường như các máy dò siêu âm để kiểm tra cường độ vật liệu, tính đồng nhất của vật liệu, máy kiểm tra "từ" để khảo sát thăm dò cốt thép, thiết bị phát hiện những khuyết tật của đường hàn, ..., các phương tiện phát hiện mức độ nhiễm acid, kiềm, ... Ngoài ra còn phải chuẩn bị phòng thí nghiệm đầy đủ phương tiện để kiểm tra tính năng cơ lý của vật liệu, các phương tiện phân tích thành phần vật liệu, hóa chất ăn mòn, ...

Nhóm thực hiện đề tài cũng đưa ra nội dung công tác điều tra khảo sát sự cố gồm các công việc cụ thể sau: Kiểm tra hồ sơ thiết kế; Kiểm tra hiện trạng công trình bằng mắt thường, bằng các thí nghiệm không phá hủy và phá hủy mẫu, kiểm tra kết cấu bê tông cốt thép, kết cấu gạch đá, kết cấu gỗ; Đánh giá khả năng chịu tải còn lại của công trình; Kiểm tra lại khả năng chịu tải của công trình bằng phương pháp tính toán phân tích; Kiểm tra lại khả năng chịu tải của công trình bằng phương pháp kết hợp với thí nghiệm chất tải tại hiện trường.

Đối với các công trình đã đi vào sử dụng, nếu xảy ra sự cố cũng đều phải xét đến tất cả các bước như đối với công trình xây mới. Ngoài ra còn phải xét đến trách nhiệm của người sử dụng khai thác công trình. Trong quá trình khai thác công trình, chức năng công trình được giữ nguyên hay đã thay đổi. Tải trọng sử dụng có tăng lên không. Môi trường làm việc của công trình có thay đổi, đặc biệt là môi trường ăn mòn.

Công tác bảo trì sửa chữa có thực hiện kịp thời không, có cho phép tự cải tạo thay đổi kết cấu không. Theo thống kê tại một số địa phương, người ta thấy rằng có tới 6-23% sự cố công trình có liên quan đến công tác bảo trì.

Theo đánh giá của Hội đồng, đây là đề tài cấp thiết phục vụ cho công tác quản lý, giám sát, kiểm định công trình xây dựng, là căn cứ quan trọng để đánh giá và phân tích công trình mỗi khi có sự cố xảy ra. Nhóm thực hiện đề tài đã đưa ra được Sơ đồ quy trình điều tra sự cố và xử lý sự cố là một sơ đồ có giá trị thực tiễn và rất khoa học. Đồng thời nhóm cũng phân tích và tìm ra bài học sự cố được chia thành 4 nhóm cơ bản gồm: Không tuân thủ quy định của văn bản quy phạm pháp luật; Những lỗi và vi phạm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong khảo sát thiết kế và thi công; Những thiếu sót và những lỗi khác nhau của con người trong thiết kế và thi công đã làm giảm mức dự trữ độ bền của ccs chi tiết kết cấu riêng rẽ; Những tác động ngắn hạn nguy hiểm do thiên nhiên gây ra vượt quá những gì mà tiêu chuẩn kỹ thuật quy định.

Các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều nhất trí đánh giá cao giá trị của đề tài, và sự thành công của đề tài khi đạt được mục đích nghiên cứu đã đề ra. Kết luận cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng TS. Nguyễn Trung Hòa đã yêu cầu nhóm đề tài tiếp thu ý kiến đóng góp bổ sung của các thành viên Hội đồng để nhanh chóng hoàn thiện thuyết minh Đề tài. Đề tài đã được Hội đồng nghiệm thu với kết quả đạt loại Khá.

Quỳnh Anh

"Sổ tay Thanh tra chuyên ngành xây dựng - tập 2"

Ngày 3/1/2012, tại cơ quan Bộ Xây dựng, Hội đồng KHCN do TS. Trần Hữu Hà, Phó Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng đã họp nghiệm thu kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học "Sổ tay Thanh tra chuyên ngành xây dựng - tập 2" - đề

tài do TS. Phạm Gia Yên - Chánh Thanh tra Bộ Xây dựng làm chủ nhiệm đề tài.

Theo nhóm tác giả, hiện nay, hoạt động xây dựng diễn ra ở khắp nơi, với tốc độ phát triển nhanh chóng. Các công trình xây dựng quy mô đa dạng, việc đầu tư xây dựng do nhiều chủ thể

khác nhau thực hiện, khối lượng công việc và đối tượng cần thanh tra - kiểm tra trong lĩnh vực xây dựng ngày càng phức tạp hơn. Các văn bản quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành tuy kịp thời và tương đối đầy đủ, chi tiết; song tình trạng vi phạm các quy định của pháp luật về xây dựng, tình hình khiếu nại tố cáo về nhà đất vẫn tiếp tục xảy ra. Các nguyên nhân chủ yếu mà nhóm tác giả đúc kết là: một số văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện chưa thống nhất; thủ tục hành chính chưa minh bạch và khó tiếp cận; quy trình lập, thẩm định, phê duyệt dự án, cấp phép xây dựng còn qua nhiều bước, thời hạn giải quyết chưa phù hợp; kiến thức chuyên môn, kiến thức pháp luật của một bộ phận cán bộ thanh tra còn thiếu...

Đề tài biên soạn “Sổ tay Thanh tra xây dựng - tập 2” được nghiên cứu nhằm hỗ trợ đội ngũ cán bộ thanh tra chuyên ngành xây dựng tiếp cận nhanh, và có hệ thống về pháp luật xây dựng; nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ giúp Bộ Xây dựng và UBND các cấp thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực xây dựng.

Sổ tay Thanh tra xây dựng hệ thống hóa kiến thức pháp luật về xây dựng, thanh tra, khiếu nại, tố cáo và tình huống điển hình dưới hình thức hỏi - đáp về công tác thanh tra - kiểm tra trong các lĩnh vực: Quản lý VLXD; Phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị; Công tác quản lý nhà ở; Kinh doanh bất động sản; Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Các báo cáo phản biện và các ủy viên Hội



TS. Trần Hữu Hà - Chủ tịch Hội đồng phát biểu kết luận cuộc họp

đồng đều nhất trí cho rằng, đề tài có tính thực tiễn rất cao. Theo đánh giá của Hội đồng, Sổ tay Thanh tra xây dựng có thể được xem là cuốn cẩm nang bổ sung nguồn tài liệu tham khảo về kiến thức pháp luật, phương pháp làm việc, biện pháp xử lý các tình huống cho cán bộ, công chức, viên chức Thanh tra Xây dựng. Tuy nhiên, để người đọc dễ hiểu, dễ áp dụng trong thực tiễn thì cần có sự biên tập lại một số thuật ngữ chuyên ngành trong Sổ tay, cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, trình bày rõ ràng, ngắn gọn hơn.

Kết luận cuộc họp, TS. Trần Hữu Hà - Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu đã bày tỏ sự nhất trí với những nhận xét của Hội đồng, và đề nghị nhóm tác giả tiếp thu các ý kiến đóng góp, nhanh chóng bổ sung hoàn thiện đề tài trong thời gian sớm nhất. Đề tài đã được Hội đồng nghiệm thu với kết quả Khá.

Lệ Minh

Hội nghị Thẩm định Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thành phố Nha Trang đến năm 2025

Ngày 5/01/2012, tại trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn đã chủ trì Hội nghị thẩm định Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thành phố Nha Trang đến năm 2025 .

Tham dự Hội nghị có Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa Nguyễn Chiến Thắng; đại diện của Văn phòng Chính phủ và các Bộ: Tài Chính, Quốc phòng, Công thương, Giao thông, Văn hóa – thể thao và du lịch; Cục Phát triển đô thị,

Cục Phát triển hạ tầng - Bộ Xây dựng; lãnh đạo các sở, ngành liên quan của Thành phố Nha Trang và tỉnh Khánh Hòa.

Theo Thuyết minh của Đề án điều chỉnh quy hoạch chung Thành phố Nha Trang đến năm 2025, Thành phố Nha Trang được xác định là đô thị trung tâm của tỉnh Khánh Hòa, là thành phố du lịch biển nổi tiếng trong và ngoài nước. Thành phố Nha Trang có vị trí kết nối thuận lợi với thị trường nội địa quan trọng và là vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng Tây Nguyên và vùng Nam Trung bộ, đặc biệt là kết nối với các trung tâm du lịch quan trọng như: TP. HCM, Đà Lạt, Phan Thiết, Buôn Ma Thuột.

Quy hoạch chung TP. Nha Trang được điều chỉnh và phê duyệt năm 1998. Tuy nhiên do thực tế phát triển kinh tế - xã hội của vùng, đòi hỏi quy hoạch chung cần phải điều chỉnh để đáp ứng được nhu cầu phát triển thế mạnh của Nha Trang, trong xu thế toàn cầu hóa và cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ này.

Tại Hội nghị, các đại biểu đã nghe đại diện của Viện Kiến trúc, Quy hoạch Đô thị và nông thôn, Bộ Xây dựng - đơn vị tư vấn tóm tắt nội dung của đồ án quy hoạch, trong đó nội dung cơ bản điều chỉnh bổ sung giữa 2 đồ án Quy hoạch chung xây dựng thành phố Nha Trang được duyệt năm 1998 và đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Nha Trang giai đoạn đến năm 2025 là: Mở rộng ranh giới nghiên cứu quy hoạch thành phố Nha Trang về phía Tây đến đường QL 1A cải tuyến qua huyện Diên Khánh; Xác định tầm nhìn và các chiến lược phát triển đô thị chính; Điều chỉnh khu vực đồng trũng phía Tây đường Lê Hồng Phong thành khu đô thị sinh thái, công viên sinh thái công cộng, kết hợp dịch vụ du lịch và dành quỹ đất nghiên cứu phương án bố trí đô thị hành chính mới của tỉnh; Bổ sung khu vực Sân bay Nha Trang và định hướng quy hoạch thành khu trung tâm đô thị dịch vụ - tài chính của thành phố Nha Trang; Điều chỉnh tổ chức không gian



Toàn cảnh cuộc họp của Hội đồng thẩm định

khu vực Tây Nha Trang từ hình thức xây dựng mới hoàn toàn thành khu vực cải tạo, nâng cấp các khu dân cư hiện trạng, cải tạo hệ thống sông phục vụ cho thoát nước trên cơ sở các sông hiện trạng, xen cấy các khu chức năng xây dựng mới khi có nhu cầu; Tổ chức đô thị du lịch sinh thái ven Sông Cái; Khu vực Sân Vận động 19/8 và các công trình TDTT trung tâm được di chuyển về xã Phước Đồng, và dành quỹ đất khu vực này để xây dựng công viên kết hợp bố trí bãi đậu xe ngầm cho khu vực trung tâm thành phố; Bổ sung các nội dung thiết kế đô thị phù hợp với Luật Quy hoạch; Điều chỉnh các nội dung về cơ sở hạ tầng phù hợp với các nội dung về tổ chức không gian và các dự án có liên quan.

Các chiến lược được đưa ra để thực hiện mục tiêu sớm đưa Nha Trang trở thành Trung tâm du lịch biển quốc tế tầm nhìn phát triển đến năm 2025 gồm: Phát triển đô thị với quy mô hợp lý, đảm bảo hiệu quả; Tập trung vào phát triển du lịch, dịch vụ - là ngành kinh tế chính của Thành phố; Tạo bản sắc cảnh quan đô thị từ đặc điểm cảnh quan thiên nhiên và hệ sinh thái đặc trưng; Phát triển cấu trúc đô thị phù hợp với điều kiện văn hóa - xã hội - nhân văn; Phân vùng chức năng. Trong đó các dự án chiến lược được ưu tiên đầu tư khi thực hiện quy hoạch điều chỉnh là: Xây dựng hệ thống thoát nước thải theo từng giai đoạn; Xây dựng khu công viên - trung tâm hành chính và đô thị sinh thái tại khu đồng trũng; Các khu đô thị du lịch

dọc sông Cái; Cải tạo khu vực chợ Đầm đến sông Cái; Cải tạo khu đô thị bàn cờ Phước Tiên; Cải tạo các khu đô thị Bắc sông Cái; Hoàn thiện công viên ven biển; Chuyển đổi chức năng các công trình hành chính, công nghiệp, TTCN trong khu vực trung tâm dịch vụ du lịch; Quy hoạch chi tiết 1/500 và chương trình hỗ trợ xây dựng đảo Trí Nguyên thành đảo du lịch chất lượng cao; Khôi phục rừng ngập mặn Đầm Báy; Nâng cấp cảng Nha Trang; Các dự án kè sông kết hợp tôn tạo và bảo vệ cảnh quan; Cải tạo các tuyến đường hướng biển và quanh chợ Đầm, chú trọng vỉa hè; Tổ chức một số tuyến đi bộ; Xây dựng các tuyến đường trục chính qua sân bay Nha Trang, tăng cường giao thông theo hướng Bắc Nam.

Các báo cáo phản biện đều nhất trí đánh giá: Đồ án được nghiên cứu và chuẩn bị rất công phu, số liệu cập nhật đầy đủ, chính xác sau khi đã tham khảo ý kiến của các Bộ, Ngành liên quan. Tuy nhiên, để nội dung quy hoạch điều chỉnh sát với yêu cầu thực tiễn hơn, đơn vị tư vấn cần bổ sung thêm các số liệu mới tính đến thời điểm năm 2010, nghiên cứu thêm các tiềm năng, cơ hội phát triển của vùng, đặc biệt

là tiềm năng du lịch biển, để Nha Trang xứng tầm là trung tâm du lịch quốc tế biển trong tương lai.

Phát biểu kết thúc Hội nghị, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn đánh giá cao chất lượng của đồ án về quy mô cũng như khối lượng thông tin, thể hiện sự công phu và tinh thần làm việc nghiêm túc của các bên. Thứ trưởng yêu cầu đơn vị tư vấn và lãnh đạo UBND tỉnh Khánh Hòa tiếp thu các ý kiến đóng góp của thành viên Hội đồng, bổ sung để hoàn chỉnh đồ án theo đúng quy định để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Quý I năm 2012. Ông Nguyễn Chiến Thắng - Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa đại diện cho tỉnh Khánh Hòa đã cảm ơn sự quan tâm giúp đỡ của lãnh đạo Bộ Xây dựng cũng như lãnh đạo các Bộ, ban ngành có liên quan khác, đã giúp tỉnh trong việc lập đồ án điều chỉnh quy hoạch và đồng thời sẽ tiếp thu các ý kiến chỉ đạo cũng như đóng góp của Hội đồng thẩm định, phối hợp chặt chẽ hơn nữa với đơn vị tư vấn để nhanh chóng hoàn thiện hồ sơ đồ án.

Quyền Anh

Danh sách các phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng được công nhận tháng 11-12/2011

Trong tháng 11-12/2011 đã có 28 phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng được Bộ Xây dựng ra quyết định công nhận mới, bổ sung các phép thử và cho phép đi vào hoạt động.

TT	Tên phòng thí nghiệm	Mã số	Quyết định có hiệu lực
1	Phòng TN cơ học đất thuộc Cty CP Tư vấn XD thủy lợi Sơn La Số 186 đường Nguyễn Lương Bằng - thị xã Sơn La - tỉnh Sơn La	LAS-XD 327	QĐ số 499/QĐ-BXD ngày 07/11/2011
2	Trung tâm thí nghiệm VLXD và kiểm định chất lượng công trình thuộc Cty CP Đầu tư và công nghệ XD INVECO Số A21 đường 19B - Phường Bình An - Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh	LAS-XD 600	QĐ số 500/QĐ-BXD ngày 07/11/2011

3	Phòng thí nghiệm VLXD thuộc Cty TNHH MTV Tư vấn kiểm định Thăng Lợi Số 81A Phạm Ngũ Lão - Phường Thới Bình - Quận Ninh Kiều - TP. Cần Thơ	LAS-XD 1122	QĐ số 501/QĐ-BXD ngày 07/11/2011
4	Phòng TN và kiểm định chất lượng công trình thuộc Cty CP Tư vấn khảo sát Địa chất công trình - Thủy văn Số 08 Ngô Thị Nhậm - Phường Hoà Khánh Nam - Quận Liên Chiểu - TP. Đà Nẵng	LAS-XD 614	QĐ số 502/QĐ-BXD ngày 07/11/2011
5	Phòng TN công trình thuộc Cty CP E.C.C Số 879 đường Hà Nội - Phường Hùng Vương - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng	LAS-XD 879	QĐ số 543/QĐ-BXD ngày 28/11/2011
6	Phòng kiểm định chất lượng XD thuộc Cty CP Tư vấn kiểm định XD Đông Dương á Số 246/9 đường Bình Quới - Phường 28 - Quận Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh	LAS-XD 92	QĐ số 544/QĐ-BXD ngày 29/11/2011
7	Phòng thí nghiệm nước và môi trường thuộc Cty CP nước và môi trường Việt Nam Thị trấn Như Quỳnh - Huyện Văn Lâm - Tỉnh Hưng Yên	LAS-XD 1176	QĐ số 545/QĐ-BXD ngày 29/11/2011
8	Phòng đo kiểm thuộc Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Đồng Nai - Sở Khoa học và công nghệ Đồng Nai số 1597 (260 cũ) Phạm Văn Thuận - Phường Thống Nhất - TP. Biên Hoà - Tỉnh Đồng Nai	LAS-XD 1180	QĐ số 547/QĐ-BXD ngày 29/11/2011
9	Trung tâm Địa kỹ thuật và thí nghiệm VLXD thuộc Cty CP Tư vấn và kiểm định công trình XD miền Trung Lô số 147 Tôn Đức Thắng, T hành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam	LAS-XD 1177	QĐ số 557/QĐ-BXD ngày 05/12/2011
10	Bổ sung các phép thử cho Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định chất lượng công trình thuộc Cty CP kiểm tra và phân tích kỹ thuật XD công trình Lô G33, KDC, Bình An, KP, Ngãi Thắng, Phường Bình Thắng, Thị Xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	LAS-XD 43	QĐ số 592/QĐ-BXD ngày 27/12/2011

Huỳnh Phước

Hội thảo khoa học: “Động viên nguồn lực tài chính từ đất đai để đầu tư phát triển hạ tầng cơ sở”

Ngày 30/12/2011 tại Hà Nội, Viện Chiến lược và Chính sách Tài chính Bộ Tài chính đã phối hợp với Viện Nghiên cứu đô thị và Phát triển hạ tầng - Tổng hội Xây dựng Việt Nam tổ chức Hội thảo khoa học: “Động viên nguồn lực tài chính từ đất đai để đầu tư phát triển hạ tầng cơ sở”.

Tham dự và chủ trì Hội thảo có TS. Phạm Sỹ Liêm - Viện trưởng Viện Nghiên cứu đô thị và phát triển hạ tầng - Tổng hội Xây dựng Việt Nam, ông Vũ Nhữ Thăng - Viện trưởng Viện Chiến lược và chính sách tài chính Bộ Tài chính; đại diện các viện, trung tâm nghiên cứu, trường đại học, Cục, Vụ chức năng thuộc các Bộ ngành ở trung ương, các Hiệp hội và Hội chuyên ngành, các doanh nghiệp trong lĩnh vực hạ tầng cơ sở (HTCS).

23 báo cáo tham luận của các nhà quản lý, các chuyên gia, các nhà khoa học được gửi đến Hội thảo trong số đó nhiều báo cáo đã được trình bày và thảo luận ngay tại Hội thảo.

Các báo cáo tham luận đã tập trung đánh giá thực trạng chính sách huy động nguồn lực từ đất đai ở nước ta hiện nay, làm rõ các vướng mắc, rào cản và phân tích nguyên nhân; chia sẻ kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn thực hiện các chính sách động viên nguồn lực từ đất đai cho phát triển HTCS tại một số nước trên thế giới; đề xuất, gợi mở các quan điểm, giải pháp để có thể huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ đất đai cho việc phát triển HTCS ở nước ta; các điều kiện và bước đi trong việc sửa đổi cơ chế, chính sách liên quan để khai thác có hiệu quả nguồn lực từ đất đai.

Báo cáo tại Hội nghị cho thấy HTCS có vai trò rất quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Để thúc đẩy phát triển kinh tế, đầu tư cho HTCS phải đi trước một bước và phải được xem là một nhiệm vụ quan trọng. Qua 25



Ông Vũ Nhữ Thăng - Viện trưởng Viện Chiến lược và Chính sách tài chính - Bộ Tài Chính phát biểu khai mạc Hội thảo

năm đổi mới và phát triển, hệ thống HTCS của nước ta đã có những bước phát triển quan trọng và đầu tư cho HTCS luôn nhận được sự ưu tiên trong các định hướng phát triển của Đảng và Nhà nước.

Trong 10 năm qua tổng mức đầu tư toàn xã hội của nước ta không ngừng tăng và duy trì ở mức cao, trong đó phần lớn nguồn lực này được tập trung cho việc phát triển các dự án hạ tầng thiết yếu của nền kinh tế. Ngoài ra, thời gian qua các công trình kết cấu hạ tầng còn được thực hiện bởi các thành phần kinh tế khác theo các hình thức BT, BOT hoặc hình thức hợp tác công - tư (PPP), qua đó góp phần quan trọng trong việc thực hiện các nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta trong những năm vừa qua.

Tuy nhiên, thực tiễn đầu tư phát triển HTCS ở nước ta thời gian qua cũng đã chỉ ra một số vấn đề cần được tiếp tục tháo gỡ để tìm ra hướng đi phù hợp cho thời gian tới, trong đó nổi lên những vấn đề là: Đầu tư cho HTCS hiện nay chủ yếu vẫn là đầu tư công, sự tham gia của các thành phần kinh tế khác còn hạn chế, trong khi đó phân bổ đầu tư công còn dàn trải và hiệu quả đầu tư chưa cao; cơ chế khuyến khích thu hút đầu tư tư nhân vào HTCS còn chưa có sự

đột phá mạnh vì vậy sự tham gia của khu vực tư nhân vào đầu tư, phát triển HTCS chưa tương xứng với tiềm năng; do thị trường tài chính phát triển chưa cao nên khả năng tiếp cận các nguồn vốn dài hạn cho đầu tư HTCS còn hạn chế vì thế chưa tạo điều kiện cho khu vực tư nhân tham gia đầu tư phát triển HTCS; hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật chưa đầy đủ và đồng bộ, việc áp dụng còn gặp khó khăn, vướng mắc, phải tiếp tục nghiên cứu bổ sung, sửa đổi, vì vậy việc triển khai các dự án hạ tầng còn gặp nhiều trở ngại, nhất là trong giải phóng mặt bằng; chi phí cho các công trình hạ tầng còn ở mức khá cao so với nhiều nước, nhất là công trình giao thông, suất đầu tư nhiều công trình HTCS đều cao hơn các nước trong khu vực, gây ra rào cản lớn cho sự tham gia của khu vực tư nhân vào đầu tư HTCS.

Việc đánh giá khả năng của đầu tư công cho HTCS trong thời gian tới cho thấy để bảo đảm nguồn lực cho đầu tư phát triển giai đoạn tới đòi hỏi huy động thêm các nguồn lực khác với mức độ khá cao. Theo đó, yêu cầu đặt ra cho giai đoạn tới là phải đa dạng hoá các nguồn lực cho phát triển HTCS, trong đó cần phải có các biện pháp phù hợp khơi dậy nguồn lực từ đất đai, đồng thời phải giải quyết được các điểm nghẽn căn bản đang tồn tại trong đầu tư phát triển HTCS hiện nay.

Việc phân tích thực trạng chính sách động viên nguồn lực từ đất đai nói chung và cho phát triển hạ tầng ở nước ta cho thấy đất đai là nguồn lực quan trọng để phát triển HTCS quốc gia. Nếu có cơ chế đúng và phù hợp thì có thể khơi dậy một nguồn lực tài chính đáng kể từ quỹ đất của các địa phương, tạo điều kiện cho các địa phương có được các nguồn lực cần thiết cho việc đầu tư phát triển HTCS trên địa bàn. Khi HTCS phát triển, giá trị gia tăng của quỹ đất sẽ tăng lên. Vấn đề đặt ra là giá trị gia tăng của đất do việc đầu tư HTCS đem lại nên được điều tiết theo phương thức nào để có thêm nguồn lực, bù vào chi phí xây dựng HTCS của Nhà nước.

Thực trạng hiện nay ở nước ta là Nhà nước đầu tư làm đường, phát triển hạ tầng và theo đó là giá đất tăng nhưng vẫn chưa có phương thức điều tiết thoả đáng. Kinh nghiệm một số nước cho thấy nếu có cơ chế đúng thì có thể khơi dậy một nguồn lực tài chính đáng kể cho ngân sách, nhất là từ sự gia tăng giá trị đất do việc đầu tư HTCS.

Thực tiễn hiện nay cho thấy để có đủ nguồn lực cho phát triển HTCS Việt Nam cần phải sử dụng đồng bộ nhiều nhóm giải pháp khác nhau, rà soát, sử dụng tốt các kênh huy động, đa dạng hoá các công cụ đầu tư tài chính để huy động có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước trong đó có nguồn lực từ quỹ đất đồng thời cần phải nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực. Để đạt được các mục tiêu đó cần tập trung vào các vấn đề sau:

- Phân bổ và sử dụng nguồn lực trong phát triển HTCS phải hướng vào việc thực hiện các ưu tiên chiến lược (các đột phá) của nền kinh tế trong từng giai đoạn; thực hiện đổi mới và hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư xây dựng HTCS;

- Hoàn thiện khung pháp lý về phân công, phân cấp; rà soát phân định rõ nội dung, phạm vi đầu tư giữa trung ương và địa phương, tạo ra sự chủ động và cơ chế mở cho tất cả các địa phương trong thu hút các nguồn lực cho phát triển phù hợp với quy hoạch và năng lực của địa phương đi kèm với tăng cường trách nhiệm của chính quyền địa phương trong quyết định đầu tư công;

- Tăng cường quản lý, giám sát, nâng cao hiệu quả đầu tư; xây dựng hệ thống tiêu chuẩn đánh giá các dự án đầu tư và thực hiện công tác theo dõi, đánh giá, kiểm tra, thanh tra việc quản lý và sử dụng các dự án đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước;

- Tiếp tục cải cách và đơn giản hoá các thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản, thúc đẩy công khai trách nhiệm giải trình trong sử dụng nguồn lực; đề cao trách

nhiệm giám sát của Quốc hội, HĐND đối với các dự án đầu tư, tăng cường giám sát cộng đồng của người dân;

Chiến lược phát triển kinh tế xã hội nước ta giai đoạn 2011 - 2020 đã xác định phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng cơ sở là một trong 3 khâu đột phá quan trọng. Huy động vốn cho đầu tư hạ tầng cơ sở là một vấn đề lớn, liên quan đến nhiều chủ đề khác nhau. Trong bối cảnh đó Hội thảo được tổ chức nhằm thảo luận, phân tích, đánh giá một cách khách quan, khoa học để từ đó đề xuất các giải pháp cho việc tiếp

tục hoàn thiện các chính sách liên quan nhằm huy động có hiệu quả nguồn lực từ đất đai cho phát triển cơ sở hạ tầng ở nước ta thời gian tới.

Các báo cáo tham luận, ý kiến thảo luận không chỉ đánh giá thực trạng và nêu lên nguyên nhân mà còn đề xuất, gợi mở nhiều quan điểm, giải pháp mới để huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ đất đai cho đầu tư phát triển HTCS ở nước ta trong những năm sắp tới.

Huỳnh Phước

Những đặc điểm nổi bật trong tự chủ sáng tạo và xây dựng đô thị của Singapore

Singapore là một quốc đảo nhiệt đới, nằm ở cực nam bán đảo Mã Lai, cửa ngõ vịnh Malacca, gồm một đảo lớn và 60 đảo nhỏ, tổng diện tích 704 km², dân số 4,5 triệu người, GDP bình quân đầu người đạt 35.000 USD. Từ khi trở thành quốc gia độc lập tới nay, Singapore đã tạo ra nhiều kỳ tích phát triển, xây dựng nên một đô thị hiện đại cực kỳ hấp dẫn.

I. Singapore động viên ý thức sáng tạo, phát huy sức mạnh sáng tạo của toàn dân

Singapore là nước nhỏ khan hiếm tài nguyên, người dân Singapore luôn tự nhắc nhở mình không được quên quá khứ khổ đau, coi sáng tạo là nhiệm vụ quan trọng thứ nhất để quốc gia sinh tồn và phát triển, coi chuyển đổi cơ cấu và phát triển kinh tế là động lực to lớn. Nhờ vậy, họ đã lập được nhiều kỳ tích trong phát triển kinh tế - xã hội. Theo điều tra của một tổ chức có uy tín trên thế giới, sức sáng tạo của Singapore đứng hàng đầu trên thế giới, Singapore đã trở thành hình tượng của sức sáng tạo ở châu Á và toàn thế giới.

1. Dùng môi trường cạnh tranh gay gắt để thúc đẩy toàn dân sáng tạo

Để giữ được sức cạnh tranh mạnh mẽ trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế, năm 1995, Chính phủ Singapore phát động phong trào

phục vụ công cộng, coi việc đổi mới là nền tảng phát triển đất nước, áp dụng kế hoạch sáng tạo đối với công nhân viên chức, xây dựng cơ chế chủ động sáng tạo và thu được hiệu quả tương đối tốt. Tại Singapore ngày nay, sáng tạo đã trở thành ý thức chung của toàn dân, mọi ngành nghề, mọi lĩnh vực trong xã hội dần hình thành hệ thống sáng tạo cao độ.

2. Dùng cơ chế và thể chế kiện toàn để định hướng sáng tạo

Dưới sự coi trọng và thúc đẩy sáng tạo của người đứng đầu Chính phủ Singapore, Chính phủ Singapore xác định rõ và hoàn thiện chức năng quản lý, phục vụ sáng tạo. Để đẩy mạnh sáng tạo, Chính phủ Singapore đã đưa ra “Kế hoạch hành động sáng tạo trong cả nước” và “Kế hoạch sáng tạo Singapore”, thành lập “Hội đồng nghiên cứu, sáng tạo và lập nghiệp” và “Ủy ban nghiên cứu Nhà nước”, thành lập “Giải thưởng sáng tạo Singapore” và “Giải thưởng sáng tạo châu Á” cấp Nhà nước, xây dựng nên một mô hình tương đối hoàn thiện, thu hút nhiều doanh nghiệp và nhân tài tham gia sáng tạo, thúc đẩy mạnh mẽ tiến trình sáng tạo.

Đẩy mạnh sáng tạo bằng chính sách. Sách lược sáng tạo của Xanh ga po thành công nhờ vào chính sách đồng bộ của Chính phủ ở các

mặt như tiền vốn, giáo dục, nhân tài, các ngành sản xuất... Chính phủ Singapore đầu tư vào các lĩnh vực như nghiên cứu khoa học và sáng tạo... một cách có ý thức (chi cho nghiên cứu và phát triển khoa học chiếm 3% GDP), thông qua các biện pháp như thực hiện “Kế hoạch bước đầu phát triển doanh nghiệp”, “Kế hoạch bồi dưỡng phát triển doanh nghiệp”, xây dựng quỹ tiền vốn dành cho sáng tạo, xây dựng cơ chế khen thưởng, chính sách thuế, chỉ đạo và khuyến khích các doanh nghiệp địa phương đầu tư cho nghiên cứu phát triển. Do vậy, các ngành, các doanh nghiệp không ngừng gặt hái được nhiều thành quả sáng tạo như năng lượng sinh học, kỹ thuật thép bảo hòa các bon... dẫn đầu trên thế giới, thúc đẩy nền kinh tế tri thức của Singapore hình thành và phát triển.

II. Quan niệm lấy con người làm trung tâm, xây dựng một nước Singapore sạch về sinh thái, đề cao thương hiệu “đô thị xanh”

Sau khi giành được độc lập vào năm 1965 tới nay, Singapore luôn kiên trì mục tiêu phát triển “đô thị xanh”, xử lý một cách khoa học và đúng đắn quy hoạch đô thị và xây dựng, tạo lập môi trường đô thị sinh thái trong sạch và hài hòa, được bầu chọn là đô thị có chất lượng sống tốt nhất thế giới.

1. Quan điểm quy hoạch khoa học và thực tế

Singapore là nước sớm có quan điểm quy hoạch phát triển. Ngay từ đầu, Singapore đã đề ra quy hoạch phát triển mang tính tiên tiến, khoa học với khởi điểm cao, tạo nên bức tranh hoành tráng về đô thị xanh trên thế giới. Qua đó, Singapore đề ra quy hoạch chỉ đạo phát triển đô thị (quy hoạch tổng thể), tạo chỗ dựa khoa học cho xây dựng đô thị và phát triển xã hội. Đặc biệt, quy hoạch xây dựng tuyến đường ven biển thành công rực rỡ, xây dựng nên khu vực trung tâm thương mại (CBD - Central Business District) giàu sức sống nhất Đông Nam Á. Đồng thời, khi thực hiện quy hoạch cụ

thể, họ rất linh hoạt và thực tế. Trên cơ sở kiên trì tính ổn định và tính quyền lực của quy hoạch, hết sức chú trọng kết hợp quy hoạch với tình hình thực tế, vừa thông qua quy hoạch để chỉ đạo quản lý xây dựng phát triển, vừa căn cứ vào những biến động không ngừng của kinh tế xã hội để kịp thời điều chỉnh quy hoạch... Vì vậy, sau mỗi 10 năm, Singapore lại điều chỉnh quy hoạch một lần, quy hoạch chỉ đạo phát triển đô thị 5 năm điều chỉnh một lần, phát huy tác dụng quan trọng trong bốn lần chuyển đổi mô hình kinh tế xã hội

2. Chiến lược phủ xanh có tầm nhìn xa

Xác định môi trường là sức sản xuất, là nguồn tài nguyên thứ nhất, ngay từ thời kỳ đầu xây dựng đất nước, ông Lý Quang Diệu đã đưa ra quy hoạch chiến lược phủ xanh quốc gia. Ông cho rằng, hiệu quả giá thành xây dựng phủ xanh là hiệu quả cao nhất. Không những có lợi cho việc phát triển ngành du lịch, mà còn cố gắng lớn lao cho việc nâng cao thương hiệu thành phố, nâng cao sức cạnh tranh của đất nước. Vì vậy, Singapore đã thành lập “Ủy ban hành động phủ xanh thành phố” do Thủ tướng giám sát chặt chẽ, Ủy ban này có vai trò chủ đạo trong công tác phủ xanh đô thị, nghiêm chỉnh thực hiện quy hoạch phủ xanh đô thị, không tiếc công sức và tiền bạc nhập khẩu các loại cây phù hợp trên thế giới (nhập từ Ôxtrây lia một loài cây lớn nhanh, lá xum xuê, khó gãy, không rụng lá, chiếm khoảng 85% tổng số), từng bước thực hiện quá trình phủ xanh – làm đẹp - đa dạng hóa và đa dạng hóa, hình thành bố cục hợp lý mạng lưới kết hợp điểm, tuyến và diện, phát huy tối đa hiệu ứng sinh thái của công tác xây dựng cảnh quan phủ xanh đô thị, chuyển hướng từ “công viên trong thành phố” sang “thành phố trong công viên”, xây dựng thương hiệu thành phố sinh thái, tiếp thêm động lực cho kinh tế xã hội Singapore phát triển nhanh chóng..

3. Tư duy xây dựng hiệu quả và có chiều sâu

Thấy rõ đặc điểm của đất nước là đất đai chật hẹp và tài nguyên khan hiếm, Chính phủ Singapore đã kiên quyết quán triệt nguyên tắc phát triển hiệu quả cao và tiết kiệm đất. Hàng loạt hệ thống khách sạn siêu cao tầng, giao thông lập thể 4 tầng, quần thể nhà ở, trung tâm thương mại, đường ngầm, công trình lấp biển... đều thể hiện nguyên tắc sử dụng đất đai tập trung và hiệu quả cao. Hiện nay, 65% diện tích 704 km² lục địa Singapore vẫn chưa đưa vào khai thác sử dụng. Khu đô thị tập trung chiếm 2/3 diện tích đô thị, ngăn ngừa hữu hiệu hiện tượng mở rộng đô thị tràn lan. Đồng thời, điều đặc biệt nhất là quan niệm lấy con người làm trung tâm trong xây dựng đô thị của Singapore. Những nhà ga tàu điện ngầm được thiết kế cẩn thận, đường sá thẳng tắp, nhà chờ xe có điều hòa nhiệt độ, hành lang có mái che, công viên miễn phí... đều thể hiện quan niệm mục tiêu vì con người.

III. Phục vụ công cộng hiệu quả và chất lượng cao, tạo ra cơ hội phát triển trong tương lai

Đứng trước thách thức của khủng hoảng tài chính, Chính phủ Singapore kiên trì quy hoạch trước 20 năm, bố cục trước, đưa ra tư duy xây dựng lâu dài, thúc đẩy bồi dưỡng nguồn nhân lực, phục vụ doanh nghiệp, phát triển các ngành sản xuất..., nâng cao hiệu quả phục vụ của chính quyền, mang lại môi trường phát triển tốt đẹp, nắm bắt cơ hội phát triển trong tương lai.

1. Kiên trì chú trọng bồi dưỡng nguồn nhân lực

Singapore luôn luôn thực hiện chiến lược xây dựng đất nước bằng nhân tài, coi "con người là tài nguyên quý nhất" để hết sức chú trọng cho công tác bồi dưỡng và khai thác nguồn tài nguyên nhân lực. Trong 20 năm gần đây, Chính phủ Singapore không ngừng tăng cường đầu tư cho giáo dục, chi phí cho giáo dục chiếm 19,5% trong tổng các khoản chi của Nhà nước, chỉ đứng sau ngân sách của Nhà

nước. Đặc biệt, để chiếm lĩnh điểm cao về nhân tài, Singapore thực hiện giáo dục theo chuyên ngành, thực hiện kế hoạch bồi dưỡng nhân tài với tổng mức đầu tư 650 triệu USD, cung cấp nhiều nhân tài chuyên ngành mũi nhọn cho phát triển kinh tế đất nước. Đồng thời, nhằm thu hút nhân tài ưu tú của nước ngoài, Singapore thực hiện kế hoạch tích lũy nhân tài. Bộ Nhân lực Singapore xây dựng 9 văn phòng "liên hệ với Singapore" ở nước ngoài, tìm nhân tài trên toàn thế giới, thu hút được nhiều nhân tài khoa học kỹ thuật cho phát triển nền kinh tế tri thức.

2. Kiên trì chú trọng tối ưu hóa phục vụ

Hiệu quả và mức độ phục vụ công cộng của chính quyền đã quyết định môi trường đầu tư thuận lợi. Dựa vào quan niệm này, Chính phủ Singapore cung cấp sự phục vụ khoa học hợp lý, nhanh chóng và hiệu quả cho phát triển kinh tế thông qua việc xây dựng công trình cơ sở chất lượng cao, hệ thống hành chính điện tử nhất thể hóa, chính sách thu hút thương nhân với ưu đãi cao. Điều đặc biệt có ý nghĩa sáng tạo là họ nêu ra quan niệm "trọng thương nghiệp", phục vụ các dự án thu hút công ty nước ngoài, hết sức nâng cao ý thức, mức độ và hiệu quả phục vụ của chính quyền, từ đó xây dựng một môi trường trọng thị thương nghiệp, hàng năm thu hút gần chục tỷ đô la đầu tư, thu hút 500 doanh nghiệp mạnh trên thế giới tới Singapore, trở thành một trong những khu vực đầu tư tốt nhất trên thế giới (Singapore ký 50 hiệp định miễn thuế hai lần, 30 thuế bảo đảm đầu tư, nới rộng chính sách ưu đãi cho công ty nước ngoài từ 5 đối tượng được miễn thuế và 5 đối tượng được giảm một nửa thuế trước đây tới 10 đối tượng được miễn thuế và 10 đối tượng được giảm một nửa thuế).

3. Kiên trì chú trọng đổi mới các ngành sản xuất

Hơn 40 năm xây dựng đất nước vừa qua, Singapore đã thực hiện kế hoạch 10 năm nâng cấp các ngành sản xuất, đưa thêm nhân tố tri

thức, kỹ thuật và sáng tạo vào. Nhằm thích ứng với đặc điểm thay đổi nhanh chóng của kinh tế tri thức, Chính phủ Singapore áp dụng chính sách sản xuất và phương hướng chỉ đạo tích cực, thông qua thực hiện “kế hoạch doanh nghiệp bước đầu” và “kế hoạch bồi dưỡng phát triển doanh nghiệp”, giúp đỡ mạnh mẽ các doanh nghiệp mới xây dựng trong nước ở những mặt như chính sách, nghiên cứu, tiền vốn, nhân tài..., hình thành hiệu ứng quy mô, thúc đẩy các ngành sản xuất phát triển. Đặc biệt, sau khủng hoảng tài chính, Singapore chuyển hướng, định vị lại kinh tế trong tương lai là nền kinh tế tập trung sáng tạo, không ngừng quan tâm đến các ngành sản xuất mới nổi trên thế giới, ra sức giúp đỡ các doanh nghiệp khoa học kỹ thuật sinh học, ngành sáng tạo, kinh tế tổng hợp, kỹ thuật thông tin, kỹ thuật môi trường, điện tử, tạo nên tầng trưởng kinh tế mới, nắm bắt cơ hội thị trường.

IV. Bảo hiểm xã hội ưu tiên hiệu quả, xây dựng Singapore phát triển hài hòa, bồi dưỡng tinh thần tự lập tự cường

Theo nguyên tắc “cái gì lấy của dân phải được dùng cho dân”, Singapore xây dựng một hệ thống bảo hiểm xã hội mang tính tổng hợp, có nhiều chức năng, có trung tâm là quỹ tiền vốn Trung ương (CPE), bao quát các lĩnh vực như y tế, dưỡng lão, giáo dục, nhà ở..., không những bảo đảm thiết thực cho công bằng xã hội, bảo vệ hữu hiệu hiệu quả xã hội, mà còn giảm bớt sự ỷ lại dựa dẫm của dân vào chính quyền, đề xướng tinh thần tự lập tự cường, tự lực cánh sinh, có tác dụng quan trọng trong tăng cường năng lực cạnh tranh quốc tế khi phát triển kinh tế.

1. Mọi người đều cố gắng xây dựng chế độ bảo hiểm hưu trí

Chế độ bảo hiểm hưu trí của Singapore hết sức coi trọng tác dụng của cá nhân và gia đình, kết hợp giá trị phương Đông với sự sinh động của kinh tế tự do phương Tây. Mục đích là triệt để điều động lực lượng xã hội tham gia bảo

hiểm hưu trí, hình thành cơ chế bảo hiểm xã hội với ba trọng điểm là cá nhân, gia đình và xã hội. Bảo hiểm hưu trí của Singapore áp dụng chế độ toàn dân, chủ lao động và người lao động đều phải đóng góp tích lũy tiền bảo hiểm về hưu cho người lao động theo tỷ lệ nhất định. Doanh nghiệp điều chỉnh tỷ lệ này tùy theo tình hình kinh tế, vừa phải bảo đảm lợi nhuận của doanh nghiệp, vừa phải triệt để thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp. Sau khi người đóng bảo hiểm xã hội đạt hai yêu cầu: đủ 55 tuổi và số tiền họ gửi vào quỹ đạt tới mức tối thiểu, họ có thể rút trọn gói một lần dùng để dưỡng già. Đồng thời, Chính phủ khuyến khích các công nhân viên chức đã đủ tuổi về hưu nhưng vẫn khỏe mạnh tiếp tục làm việc để tích lũy thêm nhiều tiền hưu trí, khuyến khích con cái họ nộp bổ sung tiền quỹ hưu trí cho bố mẹ và giảm cho họ phần nào thuế thu nhập cá nhân. Như vậy, vừa thể hiện được tinh thần tự lực cánh sinh, vừa phát huy nét đẹp truyền thống hiếu lễ của văn hóa phương Đông.

2. Mọi người đều coi trọng chế độ bảo hiểm y tế

Chế độ bảo hiểm y tế của Singapore là một trong những chế độ bảo hiểm y tế hoàn thiện nhất trên thế giới. Từ thập kỷ 80 thế kỷ XX tới nay, Quỹ tiền vốn Trung ương đã đề ra kế hoạch “3 M”, chủ yếu bao gồm kế hoạch tích lũy để bảo hiểm sức khỏe, kế hoạch bảo hiểm sức khỏe và kế hoạch quỹ tiền vốn bảo hiểm sức khỏe. Nội dung trọng tâm của nó là nhấn mạnh tác dụng của gia đình, cá nhân và quỹ bảo hiểm. Ví dụ, kế hoạch tích lũy để bảo hiểm sức khỏe cho phép cá nhân được sử dụng số dư của họ trong tài khoản quỹ tiền vốn để trả tiền viện phí tại địa phương cho bản thân hoặc những người thân trực hệ như vợ hoặc chồng, con cái, bố mẹ hoặc ông bà. Kế hoạch bảo hiểm sức khỏe đưa ra bảo hiểm y tế bệnh nặng, bảo đảm cho người đóng quỹ bảo hiểm có khả năng chi trả những chi phí y tế còn thiếu do chữa trị bệnh nặng hoặc nằm viện trong thời

gian dài. Đồng thời, đứng trước tình hình một số ít người nghèo không thể chi trả chi phí y tế, Chính phủ cấp phát tiền vốn, lập riêng quỹ bảo hiểm y tế nhằm giúp đỡ những người bệnh nặng không đủ khả năng chi trả chi phí y tế do không thể tham gia quỹ bảo hiểm sức khỏe, thực chất là cứu tế y tế, bảo đảm cho mọi người dân Singapore đều được hưởng bảo hiểm y tế cơ bản.

3. Chế độ bảo hiểm mọi người đều có nhà ở

Chính phủ Singapore xác định rõ trách nhiệm của mình trong vấn đề giải quyết nhà ở cho người dân, muốn xây dựng đất nước phồn vinh, trước hết phải làm cho nhân dân an cư lạc nghiệp. Vì vậy, Chính phủ Singapore đề ra chế độ nhà ở mang tính phổ cập và thiết thực nhất. Thông qua các biện pháp như hành chính, pháp luật, lưu thông tiền tệ và tài chính..., giúp đỡ đặc lực cho công tác xây dựng nhà ở tập thể về mặt đất đai và tiền vốn. Nhằm bảo đảm cho người dân bình thường cũng có thể mua được nhà ở tập thể, giá bán nhà được xác định theo khả năng mua của các hộ gia đình có thu nhập trung bình và thấp, chứ không phải là dựa theo giá thành xây dựng, nó thấp hơn nhiều so với giá thị trường. Theo thống kê, tính từ khi Chính phủ cấp phát tiền vốn tới nay, tổng số tiền cấp phát đã đạt tới 15,9 tỷ đô la Singapore. Đồng thời, khuyến khích mọi người sử dụng số dư tiền vốn trong Quỹ tiết kiệm nhà ở để mua nhà. Căn cứ vào độ tuổi, gia đình, mức thu nhập, tình hình tài sản... của đối tượng, đánh giá họ có đủ tư cách và điều kiện mua nhà hay không. Hiện nay, trên 85% dân số Singapore sống trong các căn hộ chung cư, về cơ bản “mọi người đều có nhà ở”.

V. Môi trường pháp trị công bằng tạo ra một Singapore quy phạm chặt chẽ, thúc đẩy tiến trình xã hội văn minh

Singapore nổi tiếng trên thế giới là một nước pháp trị và pháp trị đã ngấm sâu vào các lĩnh vực như chính trị, kinh tế văn hóa... Nền

tảng pháp luật vững chắc và quản lý pháp chế chặt chẽ đã tạo ra môi trường pháp trị công bằng cho Singapore, không những khiến cho người dân hình thành tố chất cá nhân tốt đẹp và tập quán văn minh, mà còn có tác dụng thúc đẩy và bảo đảm đối với phát triển kinh tế.

1. Đồng thời coi trọng ngăn ngừa và xử phạt, ngăn chặn hữu hiệu các tệ nạn

Chính phủ Singapore thực hiện chiến lược tổng hợp chống tham ô, vận dụng linh hoạt biện pháp pháp luật, biện pháp kinh tế, ngăn chặn hiện tượng nhân viên công vụ tham ô, tham nhũng. Một mặt, Chính phủ Singapore áp dụng biện pháp “nuôi dưỡng nhân tài liêm khiết bằng lương cao”, bộ trưởng và nhân viên công vụ cao cấp được hưởng lương cao, kết hợp với thu hút nhân tài trong giới doanh nghiệp tư nhân, liêm khiết thì có thu nhập cao, tham ô thì bị tước bỏ mọi thu nhập (hễ tham ô nhận hối lộ thì sẽ bị mất tiền hưu trí), từ đó khiến cho họ không cần tham ô, không muốn tham ô. Mặt khác, Chính phủ Singapore cũng xây dựng thể chế giám sát hoàn thiện và ràng buộc pháp luật chặt chẽ (Cục chống tham ô do Tổng thống trực tiếp phụ trách), quy phạm rất nghiêm khắc đối với hành vi của nhân viên công vụ, khiến cho nhân viên công vụ không thể và không dám tham ô. Năm 2011, tổ chức chống tham ô quốc tế công bố danh sách, Singapore đứng thứ ba, và là nước châu Á lọt vào hàng 10 nước dẫn đầu.

2. Quản lý chặt, xử phạt nặng, tăng cường quản lý đô thị

Chính phủ Singapore xây dựng một hệ thống quản lý đô thị hoàn chỉnh, có tính khả thi rất cao (chế độ xử phạt, chế độ bình xét...), khiến cho quản lý đô thị hoàn toàn trở thành quá trình pháp chế hóa. Tại Singapore, các biển báo “Không cho phép”, “Cấm”, “Không được”... có ở khắp mọi nơi, nếu ai vi phạm sẽ bị phạt tiền rất nặng; nếu vứt rác bừa bãi thì sẽ bị phạt lao động công ích, vệ sinh công cộng với thời gian và địa điểm nhất định. Chấp pháp rất

nghiêm thông qua sự giám sát của báo chí và các phương tiện truyền thông khác, không có ngoại lệ. Đặc biệt, trong xây dựng hệ thống giao thông đô thị, áp dụng tổng hợp biện pháp pháp trị và biện pháp kỹ thuật, xây dựng hệ thống tổ chức giao thông đứng đầu thế giới.

3. Quản lý toàn bộ quá trình, thúc đẩy xã hội hài hòa

Singapore là một quốc gia có nhiều dân tộc chung sống, việc tổ chức và quản lý xã hội luôn là một vấn đề quan trọng trong công tác pháp trị. Nhằm tạo dựng môi trường xã hội ổn định và hài hòa, Chính phủ Singapore chú trọng quản lý toàn bộ quá trình, không chỉ ứng dụng khoa học kỹ thuật cao để phòng chống tội

phạm, áp dụng pháp luật nghiêm ngặt để răn đe tội phạm, mà còn nâng cao thu nhập quốc dân và mức độ phúc lợi xã hội khiến cho mọi người không phải phạm tội, tăng cường giáo dục tuyên truyền quy phạm đạo đức khiến cho mọi người không muốn phạm tội, nhân dân sống trong ổn định và hạnh phúc, xã hội ổn định lâu dài, thúc đẩy các nền văn hóa hòa đồng với nhau, duy trì cục diện xã hội hài hòa và ổn định.

Phan Úc Tuyền

Tạp chí "Xây dựng đô thị và nông thôn"

TQ" số 11 năm 2011

ND: Hoàng Thế Vinh

Bê tông 2% xi măng - hỗn hợp bê tông độc đáo được trao Giải thưởng sáng tạo của Hiệp hội kỹ sư xây dựng dân dụng Mỹ (ASCE)

Một hỗn hợp bê tông mới kết hợp các vật liệu tái chế với một lượng nhỏ xi măng portland đã giành Giải thưởng sáng tạo Charles Pankow năm nay của Hiệp hội Kỹ sư xây dựng dân dụng Mỹ (ASCE). Nhóm nghiên cứu đã triển khai loại bê tông này và Tập đoàn kỹ thuật thử nghiệm Mỹ St.Paul (AET), Công ty Cemstone, có trụ sở tại bang Minnesota đồng nhận Giải thưởng này.

Phát triển hỗn hợp

Nhóm nghiên cứu và các công ty nói trên đã phát triển một hỗn hợp bê tông chỉ có 2% xi măng portland - 82 pound xi măng trên tổng 3875 pound/1 yard khối của hỗn hợp. Phần còn lại của hỗn hợp bao gồm tro bay, xỉ, bê tông tái chế nghiền, nước và các phụ gia. Hỗn hợp được sục khí, với tỷ lệ nước/xi măng là 0,45, đã đạt được cường độ nén tối đa trên 4000 psi và độ chắc đóng rắn ban đầu hợp lý.

Từ năm 2007, Công ty Cemstone Products đã tích cực làm việc với AET để tạo ra một công thức hỗn hợp sử dụng tối đa các vật liệu tái chế. Bắt đầu với hỗn hợp bê tông sản xuất hàng loạt,

họ thiết kế một hỗn hợp với vật liệu xi măng bổ sung để kiểm soát quá trình sinh nhiệt. Trong công trình phòng X-quang của AET - một kết cấu có chiều dày 3 foot được hoàn thành và đưa vào sử dụng trong năm 2008 - hỗn hợp được bổ sung thêm vật liệu tái chế, chẳng hạn nước và vật liệu tái sinh từ bê tông tái chế. Hỗn hợp biến đổi sau đó đã được sử dụng để xây dựng một số cây cầu.

Các nhà nghiên cứu muốn tạo ra một hỗn hợp có tính năng cao sử dụng vật liệu tái chế càng nhiều càng tốt. Họ nhận ra sẽ vô cùng thiếu cẩn, nếu nghiền bê tông đã qua sử dụng làm từ các vật liệu chất lượng cao và sử dụng duy nhất chúng làm vật liệu thô. Họ cũng biết rằng nếu sử dụng tỷ lệ phần trăm vật liệu xi măng bổ sung cao hơn sẽ làm cường độ bê tông phát triển chậm hơn, cho dù đó có thể là một đặc tính có lợi đối với bê tông sản xuất hàng loạt. Hỗn hợp mà các nhà nghiên cứu phát triển được thực sự tốt hơn so với bê tông được làm từ các vật liệu nguyên bản, ngay cả

khi tiêu chuẩn ACI 318 không khuyến cáo thay thế trên 50% lượng vật liệu xi măng bổ sung cho xi măng trong bê tông chịu điều kiện khắc nghiệt.

Nhận thức

Các quy trình và nhận thức sáng tạo chính bao gồm:

- Phân tích vật liệu bê tông tái chế bằng kính hiển vi cho thấy luôn luôn có xi măng không bị ngậm nước có thể tạo thành vữa xi măng trong hỗn hợp mới.

- Khi vật liệu tái chế được sử dụng cho dự án này, các thành phần bao gồm mọi trạng thái từ thô tới mịn, cần phối các bề mặt mới ra nhiều hơn để ngậm nước nhiều hơn.

- Bằng cách sử dụng thành phần mịn của vật liệu tái chế và nước tái sinh, tạo ra các hạt ngậm nước cho tinh thể xi măng, từ đó hỗ trợ cho quá trình kết cứng bổ sung.

- Vật liệu tái chế có xi măng có thể đẩy nhanh quá trình gia tăng các hạt tinh thể trong vật liệu tái chế, tạo ra một vi kết cấu tốt hơn.

- Với xi măng có sẵn trong vật liệu và nước tái chế, có thể giảm tổng lượng thành phần xi măng.

- Khi sử dụng vật liệu tái chế, sẽ có thể sử dụng lượng vật liệu xi măng bổ sung để tạo ra được bê tông có tỉ trọng cao hơn.

- Pha trộn vật liệu xi măng bổ sung và xi măng có sẵn trong bê tông tái chế tạo ra loại vữa bổ sung để phản ứng với xỉ, từ đó gia tăng

độ cứng và độ đặc chắc của vữa.

Đặc tính của hỗn hợp mới:

- Chỉ sinh nhiệt đến 70°F, do đó không cần làm mát các vị trí cụ thể.

- Hiệu quả làm chậm độ đóng rắn ban đầu có thể được kiểm soát, và cường độ nên đạt 3.000 psi sau ba ngày là phổ biến.

- Quan trọng là quá trình tự củng cố, kể cả tỷ lệ nước - xi măng là 0,34. Với độ lỏng tăng, hỗn hợp dễ đổ hơn và giảm thiểu máy đầm rung và nhân công.

- Hỗn hợp mới vượt trội so với hỗn hợp truyền thống trong việc giảm độ co ngót; ổn định kích thước; cải thiện tỉ trọng vữa và khả năng chống ăn mòn.

- Hỗn hợp có độ bền kiềm cao.

Do chi phí vận chuyển vật liệu ngày càng tăng cao, việc chuyên chở vật liệu sản xuất bê tông vào các đô thị lớn rất tốn kém đồng thời việc xin giấy phép vận chuyển cũng khó khăn, trong khi nếu tận dụng tốt bê tông tái chế có thể giúp giảm chi phí vận chuyển. Ngoài ra, loại bê tông thế hệ mới nói trên còn có cường độ cao hơn, tuổi thọ dài hơn, đồng thời tiết kiệm được chi phí xử lý phế thải xây dựng.

Joe Nasvik

Nguồn: Tạp chí Concrete Construction tháng 11/2011

ND: Lệ Minh

Hội nghị triển khai nhiệm vụ kế hoạch năm 2012 ngành Xây dựng

Ngày 06/01/2012 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị triển khai nhiệm vụ kế hoạch năm 2012 của ngành Xây dựng. Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng - Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ đã đến dự và phát biểu chỉ đạo Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có đồng chí Trịnh Đình Dũng - Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng; các đồng chí Thứ trưởng Bộ Xây dựng: Cao Lại Quang, Nguyễn Trần Nam, Trần Văn Sơn, Nguyễn Đình Toàn, Nguyễn Thanh Nghị; Chủ tịch Công đoàn Xây dựng Việt Nam Nguyễn Văn Bình; đại diện lãnh đạo các Bộ ngành Trung ương và các tỉnh, thành phố trên cả nước; lãnh đạo các Sở Xây dựng địa phương; lãnh đạo các Cục, Vụ, Viện, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Xây dựng; lãnh đạo các Hội, Hiệp hội chuyên ngành Xây dựng, các Tập đoàn, Tổng Công ty, doanh nghiệp ngành Xây dựng cùng đông đảo phóng viên báo đài Trung ương và Hà Nội.

Thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đã trình bày Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2011 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm 2012 của ngành Xây dựng tại Hội nghị.

Theo Báo cáo, năm 2011 ngành Xây dựng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Suy thoái kinh tế thế giới do khủng hoảng nợ công ở châu Âu có diễn biến phức tạp, khó lường. Ở trong nước, lạm phát cao, giá cả nguyên vật liệu tăng cao, thị trường chứng khoán sụt giảm, thị trường bất động sản trầm lắng, lãi suất cao... đã tác động tiêu cực đến hoạt động của ngành Xây dựng.

Thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội, Bộ Xây dựng đã nghiêm túc quán triệt và triển khai các chương



Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng phát biểu chỉ đạo Hội nghị

trình, kế hoạch hành động cụ thể với các nhóm giải pháp chủ yếu: tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo hướng đồng bộ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng, tăng cường công tác quản lý đô thị; đẩy mạnh phát triển nhà ở, nhất là nhà ở xã hội; theo dõi và kiểm soát chặt chẽ thị trường bất động sản; thực hiện bình ổn thị trường đối với các mặt hàng thiết yếu như xi măng, sắt thép xây dựng... tập trung tháo gỡ các vướng mắc trong quản lý đầu tư xây dựng; cắt giảm đầu tư công; rà soát kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển của các đơn vị thuộc Bộ; thực hiện các giải pháp thúc đẩy, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và đầu tư của các doanh nghiệp; tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính...

Về thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước ngành Xây dựng, năm 2011, Bộ Xây dựng đã hoàn chỉnh, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ dự thảo 07 Nghị định, 09 Quyết định, 04 Đề án, 02 Chỉ thị liên quan đến các lĩnh vực của Ngành. Các công tác quản lý, phát triển đô thị, hạ tầng đô thị, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn mới được Bộ quan tâm chỉ đạo. Tính đến hết năm 2011, cả nước đã có khoảng 755 đô thị, tỷ lệ đô thị hóa đạt

khoảng 31%, cả nước có 632 dự án khu đô thị mới. Bộ đã chỉ đạo triển khai lập quy hoạch cho các vùng dọc tuyến đường cao tốc, vùng Tây Nguyên, vùng Trung du và miền núi phía Bắc, Quy hoạch Vườn Quốc gia Măng Đen và đô thị Kon Plông, Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, điều chỉnh Quy hoạch chi tiết Khu Trung tâm Chính trị Ba Đình...; đã hoàn thành tổ chức lập, thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiều đồ án quy hoạch các vùng liên tỉnh, vùng dọc tuyến đường Hồ Chí Minh đoạn Hòa Lạc - Pắc Bó, Quy hoạch xây dựng hệ thống các trường đại học, cao đẳng vùng Thủ đô Hà Nội và vùng Thành phố Hồ Chí Minh, Quy hoạch chung đô thị Vĩnh Phúc, Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Định An - Trà Vinh, điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Côn Đảo; tổ chức công bố các đồ án quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và bàn giao hồ sơ cho các địa phương để quản lý; tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn các tỉnh, thành phố rà soát lại các đồ án quy hoạch đã phê duyệt trên địa bàn và điều chỉnh cho phù hợp các đồ án quy hoạch vùng đã được phê duyệt.

Cũng trong năm 2011, sau quá trình chỉ đạo tập trung, quyết liệt của Bộ Xây dựng, Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được tổ chức lập, thẩm định và trình phê duyệt đúng quy định và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đồ án đã được công bố, góp phần quan trọng trong việc ổn định và phát triển bền vững Thủ đô của đất nước.

Đến nay, quy hoạch xây dựng các vùng kinh tế trọng điểm cơ bản đã phủ kín trên phạm vi cả nước. 54/63 tỉnh có quy hoạch xây dựng vùng tỉnh được duyệt; 14/16 quy hoạch chung xây dựng các khu kinh tế ven biển và 7/28 quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế cửa khẩu đã được phê duyệt; tất cả các đô thị từ loại IV trở lên đã có quy hoạch chung xây dựng được phê duyệt. Tỷ lệ đô thị có quy hoạch chung được phê duyệt chiếm khoảng 93% tổng số đô thị...



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng phát biểu khai mạc Hội nghị

Công tác phát triển nhà ở có nhiều chuyển biến trong năm 2011, với tổng diện tích sàn xây dựng mới ước đạt 80 triệu m², diện tích sàn nhà ở bình quân đến cuối năm 2011 ước đạt khoảng 18,3m²/người, trong đó tại đô thị đạt 21,3m²/người, tại nông thôn đạt 16,8m²/người.

Đến hết năm 2011, khoảng 470.000 hộ nghèo ở nông thôn đã được hỗ trợ nhà ở theo Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đạt 95%. Chương trình cụm tuyến dân cư vượt lũ giai đoạn hai đã được các địa phương hoàn thành khoảng 40% khối lượng công việc xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu, đã xây dựng xong trên 4.000 căn nhà; bố trí khoảng 40% số hộ dân vào ở trong cụm tuyến và bờ bao khu dân cư. Chương trình nhà ở sinh viên đã hoàn thành 151 khối nhà, đáp ứng chỗ ở cho 125.000 sinh viên. Chương trình nhà ở cho công nhân lao động tại khu công nghiệp đã khởi công 27 dự án với diện tích sàn khoảng 866.600m², hiện có 9 dự án đã hoàn thành, bàn giao đáp ứng chỗ ở cho 27.800 công nhân. Chương trình nhà ở cho người thu nhập thấp ở đô thị đã có 42 dự án được khởi công xây dựng với tổng diện tích sàn là 907.000m², đáp ứng cho khoảng 73.000 người có thu nhập thấp. Hiện nay đã có 1.714 căn hộ được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Về tình hình hoạt động của các doanh nghiệp ngành Xây dựng, giá trị sản xuất kinh

doanh xây dựng cả nước năm 2011 theo giá thực tế ước đạt khoảng 676.400 tỷ đồng, tăng 16,5% so với năm 2010, trong đó khu vực nhà nước đạt 119.600 tỷ đồng, khu vực ngoài nhà nước đạt 529.400 tỷ đồng, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 27.400 tỷ đồng. Các doanh nghiệp ngành Xây dựng đã chú trọng phát triển toàn diện, kinh doanh đa ngành, đa lĩnh vực, đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đào tạo nhân lực để nâng cao năng lực và khả năng cạnh tranh. Đến nay, các doanh nghiệp ngành Xây dựng đã có thể tự thiết kế và thi công những công trình có quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp trong các lĩnh vực xây dựng dân dụng, hạ tầng đô thị, công nghiệp, thủy điện, giao thông, công trình ngầm... với nhiều thương hiệu có uy tín như Sông Đà, Lilama, Vinaconex, HUD, Viglacera, Vincom, PVC, Bitexco, Cienco 5...

Trong năm 2011, các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Xây dựng đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, khám chữa bệnh, nghiên cứu khoa học, tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Nhiều đề tài nghiên cứu khoa học đã được ứng dụng vào thực tiễn; các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ tư vấn được thực hiện có hiệu quả, đời sống, việc làm của người lao động được ổn định và ngày càng được nâng cao.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được trên các lĩnh vực quản lý nhà nước, các lĩnh vực chủ yếu như phát triển đô thị, phát triển nhà ở và thị trường bất động sản, quản lý hoạt động xây dựng, phát triển vật liệu xây dựng, quản lý doanh nghiệp, Báo cáo của Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cũng đánh giá về những tồn tại, hạn chế mà ngành Xây dựng cần tập trung khắc phục trong thời gian tới.

Hội nghị cũng dành nhiều thời gian để các đại biểu đại diện các địa phương, doanh nghiệp tham dự phát biểu về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật cũng như đề xuất các kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ và Bộ Xây dựng.



Toàn cảnh Hội nghị

Phát biểu chỉ đạo Hội nghị, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng bày tỏ cơ bản đồng tình với Báo cáo đánh giá những mặt đạt được, những tồn tại, cũng như những mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đề ra cho 5 năm tới và năm 2012 của ngành Xây dựng. Thủ tướng đánh giá cao và biểu dương những nỗ lực, cố gắng của toàn ngành Xây dựng trong năm 2011. Thủ tướng cho rằng, trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, ngành Xây dựng đã nỗ lực rất lớn để khắc phục khó khăn, vượt qua thách thức hoàn thành nhiệm vụ với những kết quả đạt được khá toàn diện, đóng góp thiết thực thành tựu chung của đất nước trên các mặt xây dựng thể chế, quản lý phát triển đô thị, quản lý chất lượng công trình xây dựng, phát triển nhà ở, trong đó nhà ở xã hội, nhà ở cho hộ nghèo ở nông thôn và các vùng khó khăn, nhà ở cho đồng bào vùng ngập lụt là một điểm sáng cần được phát huy trong thời gian tới.

Bước sang năm 2012, nền kinh tế đất nước còn nhiều khó khăn, nhiệm vụ đặt ra đối với ngành Xây dựng rất nặng nề, trước yêu cầu của nhân dân, của thực tiễn đặt ra, ngành Xây dựng cần nỗ lực nhiều hơn nữa.

Thủ tướng chỉ đạo, về các nhiệm vụ trong thời gian sắp tới, ngành Xây dựng cần đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Trong đó, có việc nâng cao chất lượng xây dựng quy hoạch, quản lý quy hoạch đô thị, rà soát quy hoạch hiện có, bổ sung cập nhật quy hoạch, tiến hành quy hoạch

phân khu, quy hoạch chi tiết cho đầy đủ; quan tâm đến nâng cao chất lượng công trình, an toàn của công trình xây dựng; tiếp tục đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội, cụ thể hóa chiến lược phát triển nhà ở bằng các chính sách cụ thể; xây dựng chiến lược phát triển thị trường bất động sản; có các chính sách tạo thuận lợi

cho doanh nghiệp xây dựng phát triển đồng thời kiểm soát, quản lý chặt chẽ để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực của ngành Xây dựng./.

Minh Tuấn

Hội nghị tổng kết phong trào công nhân viên chức lao động và công tác công đoàn năm 2011 của Công đoàn Xây dựng Việt Nam

Ngày 09/01/2012 tại Hà Nội, Công đoàn Xây dựng Việt Nam đã tổ chức Hội nghị tổng kết phong trào công nhân viên chức lao động và công tác Công đoàn năm 2011 và triển khai nhiệm vụ năm 2012. Đồng chí Trịnh Đình Dũng - Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng và đồng chí Hoàng Ngọc Thanh - Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã đến dự và phát biểu chỉ đạo Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có Anh hùng Lao động, Chủ tịch Công đoàn XĐVN Nguyễn Văn Bình và các đồng chí lãnh đạo Công đoàn XĐVN, lãnh đạo các công đoàn cơ sở và trên cơ sở trực thuộc Công đoàn XĐVN, lãnh đạo Công đoàn Xây dựng các địa phương.

Tại hội nghị, thay mặt Ban Chấp hành Công đoàn XĐVN, Phó Chủ tịch Công đoàn XĐVN Nguyễn Thị Yên đã trình bày Báo cáo tổng kết phong trào công nhân viên chức, lao động và công tác công đoàn năm 2011, phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm 2012.

Theo Báo cáo của Công đoàn XĐVN, năm 2011 là một năm có nhiều khó khăn đối với các doanh nghiệp ngành Xây dựng. Tình hình kinh tế thế giới tiếp tục bị khủng hoảng, lạm phát và lãi suất cao, chính sách thắt chặt tín dụng, giảm đầu tư công ở trong nước có ảnh hưởng không nhỏ đến việc làm, đời sống của cán bộ, công nhân viên chức và người lao động trong ngành Xây dựng. Tuy nhiên, bằng những cố gắng và nỗ lực trong hoạt động, các cấp công đoàn thuộc



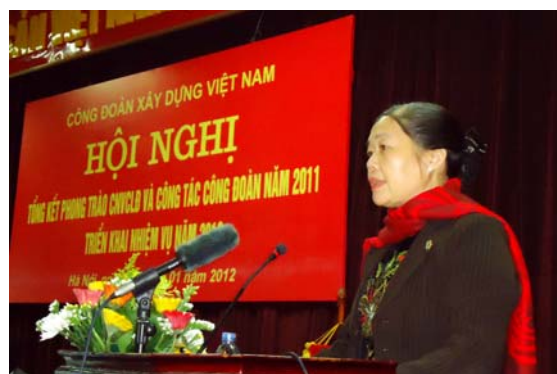
Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng phát biểu chỉ đạo Hội nghị

Công đoàn XĐVN và Công đoàn Xây dựng các địa phương đã góp phần động viên cán bộ, công nhân viên chức, người lao động toàn Ngành khắc phục mọi thách thức để hoàn thành nhiệm vụ công tác, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của mỗi cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và của ngành Xây dựng.

Trong năm 2011, các cấp công đoàn trong Ngành đã bám sát nhiệm vụ và các sự kiện quan trọng của đất nước, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, thi đua trong cán bộ công nhân viên chức, lao động toàn Ngành, trong các công tác đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động, môi trường, hoàn thành đúng tiến độ các công trình, dự án trọng điểm... Các phong trào mang tính truyền thống của ngành Xây dựng như: "Cuộc vận động đảm bảo và nâng cao chất lượng công trình xây dựng" "Người phụ nữ giỏi việc nước, đảm việc nhà" "Tổ chức tốt



Chủ tịch Công đoàn XĐVN Nguyễn Văn Bình phát biểu khai mạc Hội thảo



Phó Chủ tịch Công đoàn XĐVN Nguyễn Thị Yên trình bày Báo cáo tại Hội nghị

điều kiện sống và làm việc của CNVCLĐ ngành Xây dựng"... vẫn tiếp tục được duy trì và có kết quả tốt. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách có liên quan trực tiếp đến người lao động và tổ chức công đoàn, công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật được thực hiện thường xuyên và có hiệu quả với nhiều hình thức phong phú

Phát biểu tại Hội nghị, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng đã đánh giá cao và biểu dương nỗ lực của Công đoàn XĐVN trong việc hoàn thành tốt công tác công đoàn và phong trào công nhân viên chức lao động, góp phần giúp ngành Xây dựng hoàn thành khá toàn diện các nhiệm vụ chính trị trong năm 2011. Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cũng bày tỏ đồng tình với Báo cáo tổng kết của Công đoàn XĐVN và đề nghị Công đoàn XĐVN trong năm 2012 cần có biện pháp cụ thể để thực hiện các nhiệm vụ mà Báo cáo đã đề ra, từng bước mở rộng tổ chức công đoàn ra các doanh nghiệp xây dựng thuộc các thành phần kinh tế để hoàn thành tốt chức năng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của lao động ngành Xây dựng. Công đoàn XĐVN và các cấp công đoàn cần chú trọng quan tâm đến người lao động trong các doanh nghiệp xây dựng đang gặp nhiều khó khăn, đang bị nợ lương, nợ bảo hiểm xã hội, để động viên kịp thời, ổn định tâm lý và đời sống của người lao động, nhất là trong dịp Tết Nhâm Thìn sắp tới. Bên cạnh đó, Công đoàn XĐVN cũng cần có biện



Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn LĐVN Hoàng Ngọc Thanh trao Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn LĐVN cho các công đoàn cơ sở và trên cơ sở trực thuộc Công đoàn XĐVN

pháp bồi dưỡng kỹ năng, hiểu biết pháp luật, chính sách của một bộ phận cán bộ công đoàn cơ sở, xây dựng vị thế của công đoàn ở các đơn vị, chú trọng công tác tuyên truyền, kiểm tra về an toàn vệ sinh lao động, môi trường lao động trên các công trường, nhà máy thuộc các doanh nghiệp ngành Xây dựng...

Với những thành tích đạt được trong năm 2011, Công đoàn XĐVN đã được Tổng Liên đoàn LĐVN tặng Cờ dẫn đầu, 24 công đoàn cơ sở và trên cơ sở trực thuộc Công đoàn Xây dựng Việt Nam được tặng thưởng Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn LĐVN, 55 tập thể và 114 cá nhân được Chủ tịch Tổng Liên đoàn LĐVN tặng Bằng khen. Chủ tịch Công đoàn XĐVN Nguyễn Văn Bình được Thủ tướng Chính phủ tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc, đồng chí Nguyễn Ngọc Tuấn - Trưởng ban

Tuyên giáo của Công đoàn XĐVN được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba, nhiều đơn vị và cá nhân thuộc công đoàn các đơn vị được Công đoàn XĐVN tặng Cờ thi đua và Bằng khen.

Tại Hội nghị tổng kết phong trào công nhân viên chức lao động và công tác công đoàn năm 2011 và triển khai nhiệm vụ năm 2012, Bộ

trưởng Trịnh Đình Dũng, Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn LĐVN Hoàng Ngọc Thanh và Chủ tịch Công đoàn XĐVN Nguyễn Văn Bình đã cùng bấm nút khai trương Cổng Thông tin điện tử của Công đoàn Xây dựng Việt Nam.

Minh Tuấn

Hội nghị tổng kết công tác năm 2011 và chương trình công tác năm 2012 của Cục Quản lý nhà và Thị trường Bất động sản

Ngày 12/01/2011 tại Hà Nội, Cục Quản lý nhà và Thị trường Bất động sản - Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị tổng kết công tác năm 2011 và chương trình công tác năm 2012. Thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam đã đến dự và phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị.

Báo cáo tại Hội nghị, ông Nguyễn Mạnh Hà - Cục trưởng Cục Quản lý nhà và Thị trường Bất động sản đã khái quát tình hình hoạt động của Cục trên tất cả các phương diện về thực hiện chức năng quản lý nhà nước; tình hình triển khai các chương trình, đề án lớn trong lĩnh vực phát triển nhà ở, quản lý thị trường bất động sản; công tác nghiên cứu khoa học; công tác tổ chức cán bộ...

Theo Báo cáo kiểm điểm thực hiện nhiệm vụ năm 2011 của Cục Quản lý nhà và Thị trường Bất động sản, lãnh đạo Cục luôn xác định việc nghiên cứu, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật là một trong những nhiệm vụ quan trọng và có sự phân công cụ thể trong lãnh đạo Cục, lãnh đạo các phòng chức năng và toàn thể cán bộ, công chức trong Cục. Kết quả, năm 2011, Cục đã hoàn thành việc nghiên cứu, xây dựng 12 văn bản quy phạm pháp luật, đề án liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước về nhà ở, công sở và thị trường bất động sản. Trong đó có những văn bản quan trọng như: Quyết định số 2127/QĐ-TTg ngày 30/11/2011 của Thủ tướng



Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam phát biểu tại Hội nghị

Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Chỉ thị số 2196/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp tăng cường quản lý thị trường bất động sản; Chỉ thị số 1073/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý và hiện đại hóa công sở của các cơ quan hành chính ở địa phương theo hướng tập trung (phối hợp với Bộ Tài chính); Thông tư số 12/2011/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 74/2005/NĐ-CP của Chính phủ về phòng chống rửa tiền đối với hoạt động kinh doanh bất động sản; Thông tư số 14/2011/TT-BXD của Bộ Xây dựng quy định về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư ...

Về việc chỉ đạo triển khai các Chương trình phát triển nhà ở, tính đến 31/12/2011, các địa

phương trong cả nước đã hoàn thành hỗ trợ nhà ở cho trên 470 nghìn hộ nghèo, đạt 95%, cơ bản hoàn thành trước 01 năm Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, được sự đồng tình, ủng hộ rộng rãi của các tầng lớp nhân dân, mang lại hiệu quả rõ rệt, được dư luận xã hội đánh giá cao. Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư vượt lũ giai đoạn 2 cũng đã được triển khai tích cực, đã khởi công, đắp bờ bao 149/178 dự án, đạt 84%; hoàn thành tôn nền, đắp bờ bao 115/178 dự án (đạt 65%); Trong năm 2011 đã xây dựng xong 3.372 căn nhà, bố trí 23.038/57.252 hộ dân vào ở trong cụm, tuyến, bờ bao khu dân cư. Qua trận lũ vừa qua bằng với đỉnh lũ lịch sử năm 2000 đã cho thấy Chương trình này đạt được hiệu quả rõ rệt. Về Chương trình nhà ở sinh viên, đến hết tháng 11/2011 tại 94 dự án thuộc 28 tỉnh, thành phố và 02 Bộ: Công an và Quốc phòng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục có 153/251 khối nhà được hoàn thành đưa vào sử dụng, đáp ứng 130.000 chỗ ở cho sinh viên. Các dự án nhà ở sinh viên được thiết kế phù hợp, một số dự án được thiết kế hiện đại, tiến độ thi công nhanh, chất lượng thi công tốt, các dự án hoàn thành đều phát huy hiệu quả. Các chương trình nhà ở cho công nhân khu công nghiệp, nhà ở cho người thu nhập thấp tại đô thị cũng đang được triển khai tích cực, được nhiều doanh nghiệp, địa phương ủng hộ và tham gia, được xã hội đồng tình và đánh giá cao.

Về công tác quản lý thị trường bất động sản, năm 2011, Cục đã phối hợp với Thanh tra Bộ, các Sở Xây dựng Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các Bộ, ngành liên quan tổ chức nhiều đợt thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về trình tự, thủ tục đầu tư, huy động vốn và mua bán, chuyển nhượng của các chủ đầu tư tại các dự án phát triển nhà ở, khu đô thị mới. Kiểm tra thường xuyên hoạt động của các sàn giao dịch bất động sản để kịp thời chấn



Cục trưởng Nguyễn Mạnh Hà báo cáo tại Hội nghị chỉnh các sai phạm về giao dịch, thực hiện các dịch vụ trong kinh doanh bất động sản.

Phát biểu tại Hội nghị, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam đánh giá cao và ghi nhận những nỗ lực của lãnh đạo, cán bộ công chức, viên chức của Cục Quản lý nhà và Thị trường Bất động sản trong năm 2011, đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được Bộ giao, giúp Bộ hoàn thành nhiệm vụ quản lý nhà nước về nhà ở, công sở và thị trường bất động sản, trong đó lĩnh vực phát triển nhà ở có thành tích nổi bật, được Thủ tướng Chính phủ đánh giá "là một điểm sáng trong hoạt động của Bộ Xây dựng năm 2011" tại Hội nghị triển khai nhiệm vụ năm 2012 của ngành Xây dựng diễn ra ngày 6/1/2012 vừa qua tại Hà Nội.

Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam cũng bày tỏ đồng tình với bản Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2011 và các chương trình công tác năm 2012 của Cục. Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam nhấn mạnh những nhiệm vụ quan trọng của Cục trong năm 2012, đó là tổ chức triển khai Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 vừa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, trong đó có 08 chương trình nhà ở; nghiên cứu xây dựng Chiến lược quản lý và phát triển thị trường bất động sản; vấn đề phát triển nhà ở nông thôn; Trong các giải pháp thực hiện, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam lưu ý lãnh đạo Cục cần phải chủ động về nguồn lực, nhất là nguồn lực tài chính, cho phát triển nhà ở và bất động sản.

Trong bối cảnh nguồn đầu tư công hạn chế, tín dụng tiếp tục bị kiểm soát chặt chẽ, Cục cần phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế tăng cường khai thác các nguồn vốn nước ngoài, vốn ODA, vốn vay nước ngoài để tạo nguồn lực cho phát triển nhà ở và bất động sản. Bên cạnh đó, Cục cũng cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật, thông tin về các chương trình, đề án phát triển nhà ở đang triển khai để tạo sự đồng thuận cao trong xã hội. Nhân dịp Hội nghị tổng kết công tác năm 2011 của Cục Quản lý nhà và Thị trường Bất động

sản và chuẩn bị đón Tết Nhâm Thìn 2012, thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam mong muốn Cục tiếp tục phát huy "điểm sáng" trong lĩnh vực phát triển nhà ở, chúc mừng những thành tích của Cục và chúc toàn thể cán bộ, công chức, viên chức Cục Quản lý nhà và Thị trường Bất động sản một năm mới dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành công./.

Minh Tuấn

Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khảo sát và xây dựng tổng kết công tác năm 2011 và triển khai phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 2012

Ngày 9/1/2012 tại Hà Nội, Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khảo sát và xây dựng (USCo) - Tập đoàn Tư vấn xây dựng Việt Nam (VC Group) đã tổ chức Hội nghị tổng kết công tác năm 2011 và triển khai phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 2012.

Tham dự Hội nghị có GS.TS. Nguyễn Mạnh Kiểm - nguyên Bộ trưởng Bộ Xây dựng và các đồng chí nguyên là lãnh đạo Bộ Xây dựng; Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổ hợp VC Group Nguyễn Đăng Cấn; lãnh đạo Công ty qua các thời kỳ; Ban lãnh đạo và cán bộ, công nhân viên các phòng, ban của Công ty.

Thay mặt lãnh đạo Công ty USCo, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Nguyễn Vũ Tùng đã báo cáo tổng kết công tác năm 2011 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 2012.

Theo Báo cáo của USCo, năm 2011 do ảnh hưởng của tình hình trong nước như lạm phát tăng cao, chính sách thắt chặt tiền tệ, kiểm chế lạm phát,... Công ty gặp nhiều khó khăn, khối lượng công việc ký được hợp đồng giảm nhiều so với cùng kỳ năm trước, thị trường cạnh tranh gay gắt. Cuối quý III, VC Group đã điều chỉnh mức giao kế hoạch cho USCo với giá trị tổng



Tổng Giám đốc USCo Nguyễn Vũ Tùng báo cáo tại Hội nghị

sản lượng bằng 80% và doanh thu bằng 70% so với mức giao đầu năm; với mức điều chỉnh này giá trị tổng sản lượng thực hiện đạt 191.072 triệu đồng bằng 102% kế hoạch, doanh thu: 126.308 tỷ đồng, đạt 92% kế hoạch được giao.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn trong SXKD nhưng hoạt động tài chính của USCo vẫn ổn định và lành mạnh. Các khoản nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước thực hiện đầy đủ và đúng hạn. Tuy nhiên do doanh thu thấp nên lợi nhuận và các khoản trích nộp ngân sách đều giảm so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

Một số đơn vị trong Công ty đã có rất nhiều nỗ lực và cố gắng vượt qua khó khăn duy trì

phát triển ổn định, đạt mức tăng trưởng khá cả về sản lượng và doanh thu so với cùng kỳ năm trước, như Xí nghiệp Khảo sát địa chất và xây dựng, các Trung tâm Thí nghiệm và kiểm định xây dựng tại Hải Phòng, tại Quảng Ngãi, các Chi nhánh Cty tại miền Nam, tại miền Trung, khối cơ quan Cty trực tiếp sản xuất.

Đối với công tác quản lý SXKD, đầu năm 2011, Cty Kiểm toán và tư vấn tài chính quốc tế đã kiểm toán báo cáo tài chính, kết quả SXKD năm 2010 để thực hiện công tác kiểm tra kiểm soát, đảm bảo chấp hành tốt chế độ chính sách, thực hiện tốt nghĩa vụ đối với nhà nước và người lao động, đồng thời cũng thấy rõ những mặt còn tồn tại để chấn chỉnh kịp thời, đưa công tác quản lý tài chính và hạch toán kinh tế vào nề nếp.

Cty đã luôn chú trọng việc xây dựng thương hiệu. Năm 2011 Cty được tạp chí Thương hiệu Việt bình chọn và cấp chứng nhận “Thương hiệu Việt uy tín 2011”, thương hiệu USCo được người tiêu dùng và độc giả Báo Xây dựng bình chọn trong top các thương hiệu – nhãn hiệu tiêu biểu ngành Xây dựng.

Thực hiện công tác chỉ đạo thi công và quản lý chất lượng, Cty đã quan tâm chỉ đạo công tác tổ chức thi công phối kết hợp giữa các đơn vị, chú trọng công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, chỉ đạo thực hiện tốt hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2008 đã được cấp từ các năm trước.

Trong công tác đào tạo bổ sung lực lượng, Cty đã quan tâm trẻ hoá lực lượng sản xuất và quản lý. Năm 2011 Cty đã tiếp nhận thêm 21 kỹ sư và cán bộ đại học, 11 công nhân kỹ thuật đồng thời tích cực gửi cán bộ đi học các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ để nâng cao trình độ.

Với tinh thần vượt qua khó khăn, phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất kế hoạch được giao, Cty đã có khí thế lao động tích cực và thiết thực, qua phong trào thi đua sản xuất đã lựa chọn được nhiều đơn vị, cá nhân tiêu biểu.

Cty đã hưởng ứng tích cực các phong trào:



Chủ tịch Hội đồng thành viên VC Group Nguyễn Đăng Cẩn phát biểu tại Hội nghị

Đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ ngày vì người nghèo, ủng hộ Quỹ Mái ấm gia đình,... với giá trị trên 90 triệu đồng.

Xác định năm 2012 vẫn còn nhiều khó khăn về việc làm, với phương châm cố gắng duy trì ổn định sản xuất, trên cơ sở định hướng chung của Tổng Công ty, USCo đề ra một số mục tiêu chủ yếu như sau: Giá trị tổng sản lượng: 200 tỷ đồng, doanh thu: 150 tỷ đồng, nộp ngân sách: 17 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế: 13,4 tỷ đồng, đầu tư đổi mới thiết bị: 3 tỷ đồng.

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị, ông Nguyễn Đăng Cẩn - Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổ hợp VC Group cho biết việc điều chỉnh các chỉ tiêu đã giao cho Cty được thực hiện trên cơ sở đánh giá đúng sự cố gắng nỗ lực của tập thể CBCNV và người lao động của Công ty, kết quả triển khai rà soát thường xuyên hoạt động SXKD với mức 3 tháng/lần. Với các chỉ tiêu đã được điều chỉnh cùng với sự cố gắng phấn đấu vượt qua các khó khăn thách thức, USCo đã hoàn thành chỉ tiêu tổng giá trị sản lượng.

Đứng trước những khó khăn thách thức của năm 2012 cũng như các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra cho năm 2012, ông Nguyễn Đăng Cẩn đề nghị USCo quan tâm những biện pháp về mở rộng thị trường vào các lĩnh vực mà Công ty có năng lực và khả năng cạnh tranh trong đó chú ý bám sát các lĩnh vực thị trường lâu nay còn bỏ ngõ như khảo sát phục vụ quy hoạch; tái cấu trúc doanh nghiệp thông qua cổ phần hoá

thành công ty cổ phần và hoạt động theo mô hình Công ty Mẹ - con; trước mắt để nâng cao hiệu quả công tác quản lý nên thực hiện tách riêng chức năng quản lý và chức năng điều hành ở lãnh đạo công ty, đầu tư thiết bị tiên tiến và đào tạo đội ngũ cán bộ nhân viên, lao động có trình độ tay nghề và nghiệp vụ cao,...

Những nhiệm vụ đặt ra cho năm 2012 rất nặng nề và đầy khó khăn, nhưng với đà phát

triển của những năm vừa qua, với kinh nghiệm và tinh thần đoàn kết một lòng vì sự phát triển của đơn vị, toàn thể CBCNV của USCo quyết tâm phấn đấu vượt qua khó khăn thử thách, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ kế hoạch của năm 2012.

Huỳnh Phước

Ngành Xây dựng Trung Quốc sau 10 năm gia nhập WTO

Sau 10 năm gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), doanh thu từ các dự án nhận thầu công trình nước ngoài của Trung Quốc đã tăng gấp 10 lần, mức tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 27,1%, số lượng hợp đồng mới tăng trưởng hàng năm đạt 27,63%, tổng doanh thu đạt hơn 400 tỷ USD, tổng giá trị các hợp đồng đạt trên 600 tỷ USD, đạt thành tích nổi bật.

Kỷ niệm 10 năm ngày Trung Quốc gia nhập WTO (11/12/2001-11/12/2011), là dịp để nhìn lại quá trình phát triển trong 10 năm đó. Trong 10 năm vừa qua, ngành Xây dựng Trung Quốc phát triển không ngừng. Lúc đầu khi mới gia nhập WTO, một bộ phận trong Ngành rất vui mừng và hưởng ứng, vì gia nhập, sẽ được tiếp cận với nhiều công nghệ mới, nguồn vốn mới, quan niệm quản lý mới, các mô hình mới, nhưng một bộ phận khác lại cảm thấy lo lắng, không biết sau khi mở cửa, ngành Xây dựng sẽ chịu những tác động như thế nào.

Đến nay, sau 10 năm ngành Xây dựng Trung Quốc gia nhập WTO và mở cửa, trong con mắt của bạn bè quốc tế, trong các lĩnh vực bồi dưỡng nhân tài, quan niệm xây dựng... đã có nhiều tiến bộ rõ rệt. Sau 10 năm, ngành Xây dựng của Trung Quốc không những phát triển hơn, mà còn tỏa sáng khắp nơi.

Trong vấn đề đổi mới quan niệm xây dựng, trong 10 năm qua, đã có rất nhiều công ty của nước ngoài đầu tư vào thị trường xây dựng Trung Quốc, đồng thời ngày càng có nhiều công ty xây dựng của Trung Quốc nhận thầu

các công trình ở nước ngoài. Trong hợp tác và cạnh tranh, quan niệm xây dựng của ngành Xây dựng truyền thống Trung Quốc và quan niệm xây dựng của quốc tế đã có cơ hội tiếp xúc và phát hiện thấy nhiều điểm trái ngược nhau, xuất phát từ đó, đã xuất hiện những đổi mới trong quan niệm và mô hình xây dựng, thậm chí những đổi mới ấy đang ngày càng phát triển rộng rãi.

Trong những năm đó, những khái niệm về tiết kiệm năng lượng trong xây dựng, màu xanh trong xây dựng, cộng đồng và thành phố sinh thái cacbon thấp đã từng bước được thiết lập, mở rộng và đi vào ý thức của người dân. Trong khi nền kinh tế xây dựng quảng canh của Trung Quốc phải đối mặt với sự thiếu hụt về nguồn tài nguyên và thực hiện các biện pháp thay đổi trong một thời gian dài, thì đây lại là giai đoạn phát triển kinh tế nhanh chóng của các nước trong khu vực, nhưng sau đó cũng nhận ra rằng môi trường sinh thái và sự phát triển của xã hội đang bị ảnh hưởng nghiêm trọng, bằng cách nào để ứng phó với sự biến đổi khí hậu toàn cầu, duy trì môi trường sinh thái, lựa chọn theo đúng như khái niệm kiến trúc hiện đại là tuân theo quy luật để thiên nhiên và con người cùng tồn tại và phát triển hài hòa.

Trong 10 năm qua, các hãng lớn của thế giới như Siemens, Nokia, Carrefour... và nhiều công ty đa quốc gia khác đã đầu tư xây dựng trụ sở, trung tâm nghiên cứu phát triển, nhà máy ở Trung Quốc. Những nhà thầu quốc tế nổi

tiếng, các công ty tư vấn, thiết kế luôn chú trọng và thực hiện công trình xanh và cacbon thấp trong xây dựng, họ còn mang đến Trung Quốc hệ thống đánh giá công trình xanh (LEED). Họ đã tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị ở khắp mọi nơi trên đất nước Trung Quốc với mục đích chia sẻ, khuyến khích xây dựng xanh, khái niệm về cacbon thấp trong xây dựng, hệ thống đánh giá, quá trình xây dựng... cùng với các học giả, kiến trúc sư, nhà thiết kế, nhà cung cấp vật liệu, các cơ quan nhà nước của Trung Quốc cũng tích cực thảo luận phương hướng tiết kiệm năng lượng, phát thải ít cacbon trong xây dựng ở Trung Quốc.

Trong 10 năm qua, Trung Quốc đã giành được nhiều giấy chứng nhận tiêu chuẩn xây dựng xanh trong nước và quốc tế, khái niệm xây dựng xanh đã từng bước đi vào ý thức của người dân, công tác cải tạo tiết kiệm năng lượng trong xây dựng đã mang lại cho người dân một cảm giác thực sự yên tâm và thoải mái.

Doanh nghiệp xây dựng Trung Quốc không phải chỉ sau khi gia nhập WTO mới bắt đầu phát triển theo hướng “đi ra nước ngoài”, nhưng có thể nhận thấy rằng, trong 10 năm, nghĩa vụ quan trọng của các công trình nhận thầu nước ngoài của Trung Quốc là thúc đẩy quá trình phát triển nhảy vọt, nhanh chóng mở rộng quy mô kinh doanh, không ngừng mở rộng hợp tác, các dự án nhận thầu ngày càng đa dạng và phong phú, phương thức nhận thầu từng bước tiếp cận với tiêu chuẩn của quốc tế. Trên thị trường quốc tế, ngành Xây dựng Trung Quốc không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo được tên tuổi, đó là một trong những chiến lược hàng đầu mà Chính phủ Trung Quốc thực hiện trong những năm gần đây.

Các hợp đồng nhận thầu công trình ở nước ngoài của Trung Quốc liên tiếp có những bước đột phá mới. Trong 10 năm qua, ngoài thị trường truyền thống Đông Nam Á, châu Phi... trên thị trường của các nước Trung Đông, Tây Á, Mỹ La tinh và Mỹ, những công ty xây dựng

của Trung Quốc đều có những hợp đồng đột phá quan trọng như: Đại lộ Đông Tây - Algeria là gói thầu EPC ở nước ngoài lớn nhất của Trung Quốc; dự án tái thiết công trình Alexander Hamilton - New York; dự án nâng cấp đường sắt vận chuyển hàng hóa Belgrano-Argentina là dự án lớn nhất của Trung Quốc trên thị trường Nam Mỹ...

Đồng thời, các doanh nghiệp xây dựng của Trung Quốc còn tham gia vào thị trường cạnh tranh quốc tế và giành được nhiều thành tích nổi bật như: thành công trong việc mua lại cổ phần của công ty thiết kế giàn khoan F&G Tây Ban Nha; Thông qua việc mua được cổ phần tại các công ty xây dựng đa quốc gia, Trung Quốc đã trở thành cổ đông lớn nhất của công ty LNG – Australia. Thông qua thị trường quốc tế, các doanh nghiệp xây dựng của Trung Quốc đã được tiếp cận các phương thức mua cổ phần, đấu thầu và tiếp cận với công nghệ xây dựng của thế giới, có cơ hội nâng cao lực cạnh tranh của mình trên thị trường quốc tế.

Cùng với nhiều năm kinh nghiệm đã tích lũy và năng lực trên thị trường nước ngoài, nhiều nhà thầu Trung Quốc vẫn chưa thực sự hài lòng với việc “làm thuê cho người khác”, chỉ dừng lại ở ngưỡng nhận thầu thi công, cung cấp nhân công... Hiện nay, những phương thức nhận thầu theo kiểu EPC, BOT, tổng thầu ngày càng được áp dụng phổ biến. Một số lượng lớn các hợp đồng nhận thầu EPC, BOT được ký với nước ngoài đã thúc đẩy ngành chế tạo của Trung Quốc ngày càng phát triển theo hướng “đi ra nước ngoài”. Hầu hết thiết bị sử dụng cho các nhà máy điện, xi măng, máy móc phục vụ cho công tác đặt đường ray, đầu máy đường sắt... đều do Trung Quốc tự chế tạo. Những năm gần đây, cho dù là đường sắt của Angola – Châu Phi, đường sắt vận chuyển hàng hóa Belgrano tại Argentina, dây chuyền sản xuất xi măng 4000 tấn/ngày ở Tây Ninh – Việt Nam và nhiều dự án EPC, BOT khác đều có các doanh nghiệp Trung Quốc tham gia.

Trong 10 năm gia nhập WTO, sự thay đổi

trong cơ cấu nhân tài của ngành Xây dựng Trung Quốc đã nhận được nhiều sự quan tâm. Phần lớn đội ngũ công nhân trong ngành Xây dựng Trung Quốc đều được đào tạo từ những cơ sở quản lý, kỹ thuật, trường dạy nghề. Mới đầu kinh nghiệm của họ còn rất nhiều hạn chế, nhưng đến nay kinh nghiệm làm việc của họ đã rất phong phú. Hiện nay các trường chuyên nghiệp, đại học đã trở thành điểm đến để nâng cao trình độ của những nhân viên kỹ thuật. Phần lớn đội ngũ trẻ đều được đào tạo theo các cấp trong những trường chuyên nghiệp trong nước. Một số vị trí công việc kỹ thuật quan trọng, đều được giao cho nghiên cứu sinh, thạc sỹ, tiến sỹ chuyên ngành công trình cầu đường, công trình dân dụng... đảm nhận.

Các doanh nghiệp xây dựng của Trung Quốc muốn từng bước mở rộng thị phần trên thị trường quốc tế, nhất thiết phải nắm rõ được những quy tắc khi tham gia vào những dự án công trình trên thị trường này, có kiến thức nhất định về chuyên ngành, ngoại ngữ, khả năng phối hợp quản lý. Ngoài những dự án được viện trợ kinh tế, tài trợ, ngày càng có nhiều các doanh nghiệp xây dựng của Trung Quốc tham gia vào những dự án mang tính cạnh tranh công khai quốc tế, ví dụ như các dự án sử dụng vốn vay của Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), của các chính quyền khu vực và của các nước. Quy phạm và quy mô của những dự án này phần lớn phải tuân thủ thực hiện theo tiêu chuẩn của châu Âu. Để có được chứng nhận của quốc tế, các doanh nghiệp xây dựng của Trung Quốc, một mặt phải không ngừng học tập, thành thạo, học hỏi những quy tắc dự án công trình quốc tế, mặt khác phải mở rộng nghiệp vụ và nguồn nhân lực. Hiện nay Trung Quốc đang lấy những tấm gương ưu tú trong quản lý dự án công trình quốc tế để khích lệ, đào tạo đội ngũ xây dựng trong nước, lấy những nhân tài trong ngành Xây dựng để đưa vào quy hoạch nhân tài “5 năm lần thứ 12”, đây là những nội dung cơ bản và quan trọng giúp doanh nghiệp phát triển.

Trong 10 năm gia nhập WTO, cùng với sự phát triển nhanh chóng của Internet và phần mềm máy tính trên thế giới, năng lực của nhân tài trong doanh nghiệp xây dựng cũng không ngừng được nâng cao. Xây dựng thông tin hóa trong doanh nghiệp đã trải qua các giai đoạn như ứng dụng sơ cấp, xây dựng cơ sở hạ tầng, ứng dụng toàn diện, hiện nay có rất nhiều doanh nghiệp đang theo đuổi giai đoạn ứng dụng thông minh và cao cấp hơn. Trình độ quản lý thông tin hóa trong doanh nghiệp cũng có những phát triển nhảy vọt. Trong 10 năm, phần lớn các doanh nghiệp xây dựng đã thiết lập hoàn thiện hệ thống quản lý tài chính và vốn, hệ thống làm việc tự động hóa, hệ thống quản lý nguồn nhân lực, hệ thống quản lý dự án, hệ thống camera giám sát, từng bước thực hiện kiểm soát và quản lý rủi ro tài chính và làm việc không cần sử dụng đến giấy tờ, dần dần cải thiện phần cứng như máy chủ, phòng máy tính trung tâm...Hiện nay, những dự án công trình có quy mô lớn, mức độ phức tạp, thời hạn thi công ngắn ... nhiều doanh nghiệp xây dựng đã phải đầu tư cả vật lực lẫn nhân lực, độc lập hoặc hợp tác với các đơn vị khác để phát triển phần mềm chuyên ngành của họ, đạt hiệu quả cao trong việc cảnh báo rủi ro, kiểm soát chi phí và tiến độ công trình, đồng thời cũng đào tạo đội ngũ nhân lực hiểu rõ hơn về công nghệ quản lý và công nghệ xây dựng

Bằng cách nào để thay đổi mô hình phát triển, nâng cao năng lực tự chủ, đổi mới, nâng cao lực cạnh tranh là những vấn đề mà các doanh nghiệp xây dựng Trung Quốc đang phải suy nghĩ và tìm kiếm hướng giải quyết phù hợp nhất. Trung Quốc nhất định phải nhận ra rằng, giữa doanh nghiệp xây dựng Trung Quốc với doanh nghiệp quốc tế phải cùng chung tiếng nói, quá trình hội nhập mới chỉ bắt đầu....

Nguồn: <http://newsccn.com>

ND: Bích Ngọc

Sáng tạo chế độ quản lý Quỹ tiết kiệm nhà ở, triệt để phát huy dụng bảo đảm nhà ở

I. Sáng tạo ra biện pháp quản lý mới, triệt để phát huy tác dụng Quỹ tiết kiệm nhà ở

Những năm gần đây, Trung tâm quản lý Quỹ tiết kiệm nhà ở thành phố Hồ Chí Minh quán triệt trách nhiệm bảo đảm dịch vụ xã hội và cải thiện dân sinh, xây dựng xã hội hài hòa, không ngừng cải cách sáng tạo, triệt để phát huy tác dụng bảo đảm nhà ở của quỹ tiết kiệm nhà ở, đứng đầu toàn tỉnh với 8 giải pháp quản lý.

1. Xây dựng có hệ thống chế độ Quỹ tiết kiệm nhà ở trong các doanh nghiệp phi quốc doanh và công nhân thời vụ

Cho tới nay, toàn thành phố có hơn 5.400 doanh nghiệp ngoài quốc doanh với 130.000 lao động tham gia Quỹ tiết kiệm nhà ở, trong đó có hơn 80 nghìn công nhân thời vụ. Số doanh nghiệp ngoài quốc doanh có từ trên 50 người tham gia bảo hiểm xã hội trong toàn thành phố chiếm trên 70,94% diện bao phủ của chế độ Quỹ tiết kiệm nhà ở.

2. Triển khai thí điểm trả lãi số tiền đóng góp vào Quỹ tiết kiệm nhà ở cho các gia đình có thu nhập thấp

Đối tượng được trả lãi số tiền đóng góp vào Quỹ tiết kiệm nhà ở là các gia đình có thu nhập thấp và diện tích nhà ở dưới 80m² ở thành phố hoặc dưới 90m² ở huyện thị nông thôn có số tiền đóng góp vào Quỹ tiết kiệm nhà ở chiếm 80% thu nhập bình quân đầu người của cư dân đô thị năm trước. 5 năm gần đây, Quỹ tiết kiệm nhà ở đã chi trả 2,5031 triệu NDT tiền lãi cho 2.251 hộ đạt tiêu chuẩn, tiền lãi bình quân đầu người khoảng 1.000 NDT, cao nhất là 3.874 NDT.

3. Đưa ra chính sách ưu tiên giải quyết vấn đề nhà ở cho sinh viên mới đi làm và nhân tài

Thông qua các biện pháp như hạ thấp số tiền phải chi trả đợt đầu, nâng cao mức cho vay tiền vốn..., đã giúp đỡ 9.316 sinh viên mới đi

làm và nhân tài tham gia Quỹ tiết kiệm nhà ở, hơn 2.951 người được hưởng chính sách ưu tiên với 690 triệu NDT tiền vốn cho vay.

4. Đưa ra biện pháp chính sách giúp đỡ các công nhân viên chức có thu nhập thấp mua nhà ở phù hợp với điều kiện kinh tế

Thông qua biện pháp mở rộng phạm vi rút tiền, mở rộng mức trần cho vay tối đa, mở ra “hành lang xanh” trong điều kiện cho vay vốn mua nhà..., gần 3 năm qua, thành phố đã cho 1.492 hộ gia đình thuộc đối tượng được mua nhà phù hợp với điều kiện kinh tế vay 160 triệu NDT từ Quỹ tiết kiệm nhà ở, khiến cho chính sách ưu tiên cho các hộ gia đình thu nhập thấp mua nhà phù hợp với điều kiện kinh tế được thực hiện thuận lợi.

5. Đưa ra biện pháp chính sách “trả dần theo hàng tháng”

Năm 2009, thành phố Hồ Chí Minh đưa ra chính sách ưu tiên cho công nhân viên chức trả dần khoản vay từ Quỹ tiết kiệm nhà ở vào dịp cuối tháng. Hiện nay, toàn thành phố có 41,6% số công nhân viên chức được hưởng chính sách ưu tiên này, rất hữu hiệu trong việc giảm bớt sức ép trả nợ của họ.

6. Đưa ra tài khoản mang tính chất luân chuyển

Năm 2005, thành phố Hồ Chí Minh dẫn đầu trong cả nước đẩy mạnh thực hiện tài khoản mang tính chất luân chuyển. Trong thời gian đề nghị và đợi Quỹ tiết kiệm nhà ở cho vay, công nhân viên chức có thể thương lượng vay của ngân hàng thương mại, trung tâm quản lý Quỹ hỗ trợ bù chênh lệch lãi suất, tới khi Quỹ tiết kiệm nhà ở phê duyệt cho vay, lại chuyển thành khoản vay của Quỹ tiết kiệm nhà ở. Toàn thành phố có 92 tiểu khu áp dụng phương thức này để mua nhà với tổng số tiền vay mua nhà là 896 triệu NDT.

7. Đưa ra chính sách ủy thác quản lý nộp tiền vào Quỹ tiết kiệm nhà ở

Đầu năm 2010, thành phố Hồ Châu thành lập Trung tâm ủy thác quản lý nộp tiền vào Quỹ tiết kiệm nhà ở, đưa ra biện pháp chính sách cho phép cá nhân được gửi tiền vào Quỹ tiết kiệm nhà ở, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ kinh doanh cá thể, những người lao động tự do... được hưởng chính sách ưu tiên của chế độ Quỹ tiết kiệm nhà ở.

8. Triển khai thí điểm Quỹ tiết kiệm nhà ở giúp đỡ xây dựng cải tạo nhà ở nông thôn

Để giúp đỡ xây dựng nông thôn mới, giải quyết vấn đề quyền lợi và nghĩa vụ của công nhân thời vụ sau khi tham gia vào Quỹ tiết kiệm nhà ở không tương xứng nhau. Qua điều tra nghiên cứu và tổng kết báo cáo, thành phố triển khai thí điểm Quỹ tiết kiệm nhà ở giúp đỡ xây dựng cải tạo nhà ở nông thôn tại hai tiểu khu nhà ở thuộc huyện Trường Hưng, đã cho 2.121 hộ vay 2,08 triệu NDT, dự kiến năm 2011 cho 200 hộ gia đình vay 20 triệu NDT để xây dựng cải tạo nhà ở nông thôn. Ngoài ra, toàn thành phố trợ cấp tổng cộng 90,1588 triệu NDT tiền vốn bổ sung cho xây dựng nhà ở cho thuê với giá rẻ.

II. Tăng cường quản lý quy phạm Quỹ tiết kiệm nhà ở, bảo đảm an toàn tiền vốn

Việc có thể bảo đảm cho Quỹ tiết kiệm nhà ở vận hành một cách an toàn hay không liên quan chặt chẽ với lợi ích thiết thực của đông đảo công nhân viên chức. Vì vậy, Trung tâm quản lý Quỹ tiết kiệm nhà ở thành phố Hồ Châu đưa ra phương thức quản lý “100 – 1 = 0”, luôn coi việc phòng ngừa rủi ro tiền vốn là trọng tâm công tác.

1. Xây dựng chế độ quy tắc kiểm toán

Sửa đổi và hoàn thiện hơn 100 chế độ điều lệ bao gồm cả “Biện pháp quản lý Quỹ tiết kiệm nhà ở thành phố Hồ Châu”, hình thành hệ thống quản lý quy phạm, trong đó Nhà nước có pháp quy, chính quyền thành phố có biện pháp, Ban quản lý có quy tắc thực hiện, Trung tâm quản lý Quỹ có quy định cụ thể.

2. Xây dựng cơ chế giám sát bên ngoài tương đối hoàn thiện

Xây dựng và kiện toàn chế độ ban quản lý quyết sách, các vấn đề lớn như điều chỉnh chính sách nghiệp vụ quan trọng, kế hoạch huy động tiền vốn và phân phối tiền lãi do tiền vốn tăng thêm giá trị... đều do ban quản lý xem xét và quyết định; mỗi năm Nhà nước và các cơ quan xã hội kiểm toán hai lần; tài chính thành phố tăng cường giám sát kiểm tra việc đề ra và thực hiện kế hoạch huy động tiền vốn, sử dụng tiền vốn; tháng 3 hàng năm công bố cho xã hội biết về tình hình kết quả kinh doanh và kiểm toán của năm trước đó trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Tăng cường xây dựng cơ chế điều tiết nội bộ

Hàng năm Trung tâm quản lý Quỹ tiết kiệm nhà ở đều xác định trọng tâm công tác là phòng ngừa và xử lý rủi ro, tổ chức tổng kiểm tra an toàn tiền vốn trong toàn thành phố, nhất là các khoản cho vay của Quỹ tiết kiệm nhà ở, tăng cường xây dựng cơ chế điều tiết nội bộ. Năm 2010, thành phố đã thiết thực triển khai hoạt động “5 quản lý cụ thể” và công tác “2 tìm 3 quản lý”, triển khai hoạt động “kiểm tra các khâu có rủi ro về an toàn tiền vốn và rủi ro liên chính, tiếp tục tăng cường xây dựng cơ chế phòng ngừa và xử lý rủi ro”, tăng cường toàn diện xây dựng cơ chế điều tiết nội bộ. Tăng cường quản lý các khâu quan trọng, chú trọng nắm chắc các khâu như thẩm tra 3 cấp tài khoản cá nhân, việc huy động vốn và lãi trong phương thức “trả dần hàng tháng”, kịp thời thu tài sản thế chấp... Từ năm 2008, mỗi tháng kiểm tra ngẫu nhiên 20% tư liệu nghiệp vụ, đi sâu hoàn thiện chế độ kiểm tra.

4. Chú trọng phát huy tác dụng kỹ thuật thông tin trong phòng ngừa rủi ro tiền vốn

Thành phố Hồ Châu dẫn đầu toàn tỉnh trong việc tập trung quản lý số liệu toàn thành phố, thống nhất quy trình hạch toán, kế toán liên mạng giữa Trung tâm quản lý Quỹ tiết kiệm nhà

ở và ngân hàng, sử dụng mặt bằng tín dụng của ngân hàng, nối mạng với ngành quản lý hộ tịch để kiểm tra quyền tài sản đất đai... Thành phố sẽ đưa việc trao quyền, thẩm tra phê chuẩn, chỉ đạo... vào máy tính để quản lý, phát huy hữu hiệu tác dụng của kỹ thuật thông tin trong phòng ngừa rủi ro tiền vốn và phục vụ công nhân viên chức tham gia Quỹ tiết kiệm nhà ở.

Quỹ tiết kiệm nhà ở thành phố Hồ Châu vận hành an toàn, đặc biệt là với sự bảo hiểm của công ty bảo hiểm Trí Nghiệp, Quỹ tiết kiệm nhà ở vận hành theo trình tự pháp định, bảo đảm an toàn cho mọi khoản vốn vay.

III. Đồng thời nắm chắc người, tiền và nhà, xây dựng công trình “4 nhất”

Vài năm qua, Trung tâm quản lý Quỹ tiết kiệm nhà ở thành phố Hồ Châu kiên trì đồng thời nắm chắc người, tiền và nhà, đồng thời chú trọng công tác nghiệp vụ và xây dựng văn minh, xây dựng toàn diện công trình “4 nhất”.

1. Có gắng phấn đấu giữ vững tinh thần tiên phong nhất

Đi sâu triển khai những hoạt động giáo dục trong thực tiễn, toàn thể Trung tâm hình thành một phong trào phấn đấu sáng tạo, tích cực tiến thủ, trách nhiệm cao độ, dũng cảm đi tiên phong, kiên trì triển khai công tác một cách sáng tạo. Tạo nên tinh thần “vì dân, kính trọng nghề nghiệp, tiến thủ, thận trọng cẩn thận, hòa nhã” mang nét đặc sắc của Quỹ tiết kiệm nhà ở cho công nhân viên chức, tăng cường sức mạnh đoàn kết và tinh thần tích cực tiến lên, nhiệt tình công tác, yêu nghề của đông đảo công nhân viên chức, thúc đẩy mạnh mẽ các công tác.

2. Nhấn mạnh trọng điểm, cố gắng tạo ra thành tích công tác rực rỡ nhất

Kiên trì triển khai công tác xây dựng văn minh, bảo đảm chắc chắn cho việc tạo ra thành tích rực rỡ nhất. Sau khi điều chỉnh cơ cấu, từ tháng 6/2003 tới cuối tháng 12/2010, số người thường xuyên nộp tiền vào Quỹ tiết kiệm nhà ở tăng trưởng 70,85%, mức tiền vốn tập trung

được tăng trưởng 660,56%, mức tiền vốn cho vay tăng trưởng 722,23%. Công tác xây dựng các nghiệp vụ chủ yếu như mở rộng diện tập trung vốn, sử dụng vốn, quy phạm quản lý, an toàn vốn, kỹ thuật thông tin... và các chỉ tiêu chủ yếu như tỷ lệ thực hiện chế độ, tỷ lệ sử dụng tiền vốn, tỷ lệ nợ quá hạn, tỷ lệ tiền vốn chuẩn bị cho đối phó với rủi ro, tỷ lệ tiền lãi do tăng thêm giá trị... đều được đảm bảo.

3. Quan tâm đến quần chúng, cố gắng phục vụ với chất lượng cao nhất

Kiên trì mục tiêu phục vụ công nhân viên chức nộp tiền vào Quỹ tiết kiệm nhà ở và các công nhân viên chức khác thuộc diện cần phải nộp nhưng chưa nộp. Xây dựng và kiện toàn chế độ quản lý phục vụ. Hoàn thiện biện pháp phục vụ nhân dân, thành lập văn phòng phục vụ “một cửa”, đưa ra các biện pháp như làm việc buổi sáng thứ bảy, thành lập trung tâm tư vấn, đơn giản hóa trình tự làm việc... Triển khai các nghiệp vụ phục vụ nhân dân, mở ra nhiều kênh thông tin tuyên truyền, tổ cáo các hiện tượng sai phạm, tư vấn hỏi đáp qua điện thoại... tiện cho nhân dân tìm hiểu tình hình tài khoản của mình trong Quỹ tiết kiệm nhà ở.

4. Nâng cao năng lực đội ngũ, xây dựng đội ngũ công nhân viên chức ưu việt nhất

Tích cực đẩy mạnh xây dựng bộ máy theo mô hình học tập, tăng cường học tập lý luận và giáo dục chính trị tư tưởng. Kiên trì lớp học buổi tối thứ hai, triển khai bồi dưỡng giáo dục về lý luận chính trị, kỹ năng nghiệp vụ, phong cách phục vụ..., thúc đẩy lớp cán bộ trẻ kế thừa truyền thống. Qua đó bồi dưỡng nên một đội ngũ vững vàng về nghiệp vụ, về phẩm chất đạo đức và tư tưởng chính trị.

La Cảnh Hoa

Tạp chí “XD đô thị và nông thôn” TQ

số 5/2011

ND: Hoàng Thế Vinh

Đặc trưng vùng miền trong quy hoạch bảo tồn quần thể công trình kiến trúc cổ Cung Vạn Thọ, tỉnh Quý Châu, Trung Quốc

Kiến trúc cổ là một sản phẩm nghệ thuật trong một môi trường văn hoá lịch sử, có giá trị nghệ thuật, lịch sử và khoa học nhất định. Trên thế giới, việc bảo tồn, tôn tạo các công trình di sản kiến trúc diễn ra sớm hơn so với ở Trung Quốc, bắt đầu ở châu Âu từ giữa thế kỷ 19. Năm 1933, những người chủ trương chủ nghĩa Hiện đại phương Tây, tiêu biểu là các kiến trúc sư tiền phong châu Âu đã đề xuất Hiến chương Athens đã chỉ ra “các công trình kiến trúc cổ có giá trị lịch sử đều nên được bảo tồn đúng cách, không thể bị phá huỷ thêm nữa”. Năm 1964, Đại hội quốc tế lần thứ II các kiến trúc sư và kỹ thuật gia về Di tích lịch sử đã thông qua “Hiến chương Venice”. Hiến chương này đã đưa ra một số nguyên tắc cơ bản và dần dần đã trở thành văn kiện mang tính quyền uy được cả thế giới công nhận về bảo tồn các di tích kiến trúc và các khu vực lịch sử. Năm 1972, tổ chức UNESCO trong “Kiến nghị về bảo tồn văn hoá và di sản thiên nhiên cấp I quốc gia” lần đầu tiên đặt ra vấn đề cần phải đưa công tác bảo tồn vào trong quy hoạch. Năm 1976, Ủy ban Di sản thế giới được UNESCO thành lập đã quốc tế hoá công tác bảo tồn di sản của các quốc gia. Năm 1987, “Hiến chương Washington” đã xác lập các nguyên tắc, đối tượng và phương pháp bảo tồn khu vực lịch sử của các thành phố và thị trấn, lần đầu tiên đưa ra khái niệm quy hoạch bảo tồn. Từ đó, ý thức về bảo tồn di tích đã được nâng lên một tầm cao mới.

Công tác bảo tồn di tích của Trung Quốc bắt đầu từ những năm 30 của thế kỷ XX sau khi Trung Quốc tham gia “Công ước bảo tồn văn hoá và di sản thiên nhiên thế giới” của Liên Hợp quốc và là nước thành viên Hội đồng quốc tế về di tích và di chỉ, thì việc bảo tồn các di sản văn hoá trở thành một trong những nhiệm vụ quan

trọng của Chính phủ và nhân dân Trung Quốc. Mặc dù cả ở Trung Quốc cũng như quốc tế đều đã đặt ra các Công ước và Điều lệ về bảo tồn di tích, nhưng xét theo công tác bảo tồn di tích của riêng các địa phương mà nói thì đều phải dựa theo cấu trúc kiến trúc, phương pháp thi công công trình, chi tiết trang trí... của kiến trúc di tích cổ của địa phương mà đề ra các đối sách bảo tồn và tu bổ tương ứng, không thể rập khuôn nhau. Cho dù là phương Tây hay phương Đông, là quốc tế hay trong mỗi quốc gia, miền Nam hay miền Bắc thì đều phải có phương pháp và biện pháp bảo tồn kiến trúc cổ của riêng mình. Quần thể kiến trúc cổ Cung Vạn Thọ, huyện Thạch Thiên là bằng chứng phát triển lịch sử thời kỳ Minh Thanh của tỉnh Quý Châu, di sản văn hoá lịch sử quần thể kiến trúc cổ này có nội hàm phong phú, hình thức đa dạng, việc đề ra quy hoạch bảo tồn của nó cần giữ quan điểm bảo tồn khoa học, tôn trọng tính địa phương, đặt ra nhiều phương pháp bảo tồn.

1. Hiện trạng quần thể kiến trúc cổ Cung Vạn Thọ, huyện Thạch Thiên

Quần thể kiến trúc cổ Cung Vạn Thọ nằm ở phía Bắc thị trấn Thang Sơn, huyện Thạch Thiên, tỉnh Quý Châu, gồm quần thể các công trình Cung Vạn Thọ, Cung Vũ Vương, Quan Âm Các, Miếu Long Vương, Ngọc Hoàng Các, Cung Trung Liệt, Cầu Khởi Linh, nằm trên diện tích hơn 38 nghìn m², là một trong những quần thể kiến trúc cổ còn tồn tại có quy mô lớn nhất, được bảo tồn hoàn chỉnh nhất của tỉnh Quý Châu, quần thể công trình kiến trúc này đã được công nhận là di tích trọng điểm quốc gia.

Huyện Thạch Thiên có lịch sử lâu đời, văn hoá hùng vĩ, được thành lập sớm nhất ở tỉnh Quý Châu. Vào năm thứ 28, đời Vua Tần Doanh Chính (năm 219 trước Công Nguyên) có

đặt huyện Dạ Lang ở phía Tây của huyện. Năm thứ 11 Vua Minh Vĩnh Lạc (1413) lập Phủ Thạch Thiên. Năm Dân Quốc thứ 2 (1913) đổi Phủ Thạch Thiên thành huyện Thạch Thiên cho tới ngày nay. Quần thể kiến trúc cổ Cung Vạn Thọ nằm ở phía Bắc thị trấn Thang Sơn – một thị trấn nổi tiếng về văn hoá lịch sử của tỉnh. Quần thể kiến trúc cổ này bắt đầu được xây dựng vào cuối triều đại nhà Minh, qua nhiều lần tu sửa và mở rộng mà hình thành nên quy mô hiện có.

Mặt bằng quần thể kiến trúc cổ Cung Vạn Thọ theo hình chữ nhật có chiều dài từ Đông sang Tây là 600m, chiều Nam - Bắc tương đối hẹp, bình quân là 65m. Quần thể này chủ yếu là các công trình kiến trúc kiểu Hội quán, kiểu đền miếu, tiếp giáp với các nhà cổ, phố cổ và các cầu vòm đá cổ lớn.

Quần thể kiến trúc cổ Cung Vạn Thọ là bằng chứng cho sự phát triển của thời kỳ Minh - Thanh của tỉnh Quý Châu. Huyện Thạch Thiên nằm ở vị trí độc đáo, nằm giữa hai nhánh sông lớn là sông Niêu Giang và sông Nguyên Giang, là nơi tập trung của các cảng sông, là trung tâm phân phối vật liệu, nơi hội tụ của các doanh nhân với các hoạt động giao thương tấp nập. Thương nhân đến từ các tỉnh Hồ Nam, Hồ Bắc, Giang Tây, Tứ Xuyên, Quảng Đông đến định cư tại Thạch Thiên, góp vốn kinh doanh, cùng nhau xây dựng nên một số lượng lớn các công trình kiến trúc Hội quán, quần thể kiến trúc cổ Cung Vạn Thọ chính là đại diện điển hình của loại kiến trúc này.

Quần thể kiến trúc cổ Cung Vạn Thọ đều có hướng Nam - Bắc (kiến trúc chủ thể Cung Vạn Thọ có hướng từ Đông sang Tây, nhưng cửa thì vẫn mở theo hướng Nam, xếp theo hình chữ “nhất”, theo quan niệm phong thủy, đồng thời cũng làm thoả mãn không gian thị giác với trật tự thống nhất, thể hiện quan niệm thẩm mỹ của người xưa. Quần thể kiến trúc cổ Cung Vạn Thọ cũng là bằng chứng vật thể quan trọng và là phương tiện chuyển tải thông tin về lịch sử giao

lưu, hội nhập văn hoá kiến trúc truyền thống Trung Quốc với kỹ thuật kiến trúc địa phương, nó đã ghi lại những biến động về chính trị, sự thịnh suy của nền kinh tế, sự biến đổi về văn hoá của huyện Thạch Thiên trong hai thời đại Minh, Thanh. Các công trình kiến trúc còn tồn tại hiện nay đã có trên 220 năm lịch sử, là một trong những quần thể kiến trúc cổ tương đối hoàn hảo được bảo tồn tương đối sớm trong tỉnh Quý Châu. Quần thể kiến trúc cổ Cung Vạn Thọ trải qua nhiều lần tu bổ ở các thời đại vẫn giữ được kết cấu chính của thời kỳ Minh - Thanh và nét đặc trưng trong cách thi công của nó. Một bộ phận quần thể kiến trúc cổ Cung Vạn Thọ vẫn giữ được hình dạng ban đầu, một bộ phận kiến trúc chỉ giữ lại nền móng cũ, về mặt tổng thể hoàn chỉnh là giống như xưa.

Khu vực phụ cận quần thể kiến trúc cổ Cung Vạn Thọ cần được tiến hành kiểm soát về chiều cao và diện mạo của các công trình kiến trúc mới xây. Khu vực phụ cận quần thể kiến trúc cổ Cung Vạn Thọ cần mở không gian quảng trường với tiêu chuẩn thích hợp phục vụ cho việc tế lễ và các hoạt động khác. Tăng cường trồng cây xanh, hình thành nên không gian môi trường sạch đẹp.

2. Chính sách bảo tồn quần thể kiến trúc cổ Cung Vạn Thọ

Kiên trì phương châm bảo tồn di tích mà Chính phủ Trung Quốc đã đề ra: “bảo tồn là chính, cấp cứu hàng đầu, tận dụng hợp lý, tăng cường quản lý”, Huyện Thạch Thiên đã đưa việc bảo tồn Cung Vạn Thọ vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, đưa vào quy hoạch xây dựng đô thị, nông thôn, đưa vào dự toán tài chính, đưa vào cải cách thể chế, đưa vào chế độ trách nhiệm của các cấp lãnh đạo. Nguyên tắc bảo tồn toàn diện: bảo tồn tất cả các thông tin lịch sử, cố gắng làm chậm lại quá trình xuống cấp, kéo dài tuổi thọ di sản với khả năng lớn nhất có thể. Bảo vệ tính chân thực của di sản văn hoá với ý nghĩa bảo tồn văn hoá khu vực.

2.1. Nguyên tắc bảo tồn khoa học

Di sản văn hoá lịch sử quần thể kiến trúc cổ Cung Vạn Thọ có nội hàm phong phú, hình thức đa dạng, khi bảo tồn cần phải giữ quan điểm bảo tồn khoa học, đề ra nhiều biện pháp bảo tồn: biện pháp làm sạch khảo cổ, biện pháp bảo tồn tu bổ, biện pháp trưng bày, biện pháp nghiên cứu. Nguyên tắc bảo tồn và phát triển xã hội địa phương cùng có lợi: thông qua việc đề ra các biện pháp và môi trường pháp luật cụ thể, đạt được sự kết hợp giữa bảo tồn di sản văn hoá và bảo vệ môi trường; phối hợp bảo tồn di sản văn hoá với xây dựng thành phố và thị trấn; tạo cục diện hài hoà giữa chính quyền, nhân viên chuyên ngành và quần chúng nhân dân khi tiến hành bảo tồn.

2.2. Khung quy hoạch bảo tồn

Khung quy hoạch bảo tồn bao gồm xác định hợp lý việc phân vùng bảo tồn và các yêu cầu quản lý, xác định biện pháp phối hợp cùng tồn tại giữa bảo tồn bản thể di tích, bảo vệ môi trường di tích, quản lý di tích, trưng bày di tích, bảo tồn di tích với sự phát triển kinh tế xã hội địa phương. Quy hoạch phân vùng bảo tồn bao gồm việc tiến hành điều chỉnh sự chưa hợp lý trong bộ phận phân vùng bảo tồn ban đầu để xác định yêu cầu quản lý có thể thao tác. Bảo tồn bản thể di tích bao gồm các nội dung: khảo cổ đối với di tích còn lại, việc làm sạch nền móng, gia cố tu bổ kiến trúc di tích, bảo dưỡng hàng ngày,... Bảo vệ môi trường di tích bao gồm việc bảo vệ đối với các địa mạo tự nhiên, các sông ngòi, thực vật và không gian trong phân vùng bảo vệ. Từng bước tích trữ nuôi dưỡng nguồn nước và đất đai đồng thời tu bổ môi trường cảnh quan bị xâm hại. Tận dụng trưng bày di tích tức là nắm chắc tính đặc thù của di tích là không thể tái sinh, bố trí hợp lý việc trưng bày, lựa chọn phương thức trưng bày thích hợp, tích cực dẫn dắt, tận dụng khoa học để thể hiện đặc trưng của quần thể kiến trúc cổ Cung Vạn Thọ. Phối hợp cùng với sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương tức là nắm vững

mối quan hệ giữa sản xuất công nghiệp - nông nghiệp của khu vực xung quanh với bảo tồn di tích, song song với bảo tồn di tích thì cần quan tâm đến sự phát triển trong xây dựng kinh tế địa phương, đồng thời nâng cao ý thức bảo tồn di sản lịch sử văn hoá của người dân địa phương thuận lợi cho bảo tồn di tích và phát triển kinh tế xã hội địa phương.

2.3. Mục tiêu bảo tồn bản thể di tích

Xác định việc phân vùng bảo tồn thực tế, xác minh yêu cầu quản lý bảo tồn; để các di tích được bảo tồn tương đối tốt có được sự giữ gìn bảo vệ thường xuyên, để các di tích bị xâm hại có được sự trùng tu, để các di tích đứng trên bờ huỷ diệt có được sự giải cứu, cần xây dựng cơ cấu quản lý bảo tồn và các quy tắc chế độ. Mục tiêu khôi phục môi trường sinh thái tự nhiên: nỗ lực bảo vệ mối quan hệ về không gian của địa thế tự nhiên, các núi non và hệ thực vật trong khu vực quy hoạch; từng bước khôi phục hệ thực vật phù hợp với môi trường địa lý địa phương; loại bỏ các công trình xây dựng thêm không hài hoà trong thời gian gần đây, kiểm soát từ hiệu quả quy hoạch chỉnh thể cảnh quan của quần thể kiến trúc cổ Cung Vạn Thọ. Mục tiêu phối hợp hài hoà với sự phát triển kinh tế và xã hội của địa phương: kiểm soát hợp lý các hoạt động xây dựng và việc xây dựng các cơ sở hạ tầng công cộng xung quanh các di tích; điều chỉnh hợp lý hệ thống đường sá và tính chất đất sử dụng trong phân vùng bảo tồn để thoả mãn chức năng của các hạng mục giao thông, tham quan du lịch và phòng cháy chữa cháy. Mục tiêu tận dụng việc trưng bày: coi an toàn di tích là nhiệm vụ tiên quyết để từng bước mở cửa các quần thể kiến trúc, làm phong phú nội dung trưng bày và tạo ra môi trường cảnh quan trưng bày đẹp, nét chủ đạo trong trưng bày là sự đặc sắc của các công trình Hội quán phương Nam và các kiến trúc miếu đền thời Minh - Thanh. Điều chỉnh hợp lý cơ sở dịch vụ du lịch, bố trí quản lý hợp lý việc sử dụng phòng ở.

2.4. Xác định 4 biện pháp bảo tồn

Ngoài các yêu cầu mang tính an toàn cho di tích hoặc có những căn cứ đầy đủ, đồng thời có được sự khảo cứu lịch sử đáng tin cậy và những luận chứng kỹ thuật đầy đủ, nếu không thì không được tiến hành xây dựng lại trên các di chỉ kiến trúc cổ. Mục tiêu chủ đạo của các biện pháp bảo tồn đã chọn là kéo dài hiện trạng, giảm bớt thiệt hại, nắm vững tiêu chuẩn thẩm mỹ. Việc cứu nguy, tu bổ, gia cố, bảo vệ đối với các công trình kiến trúc cổ tồn tại hiện nay là nội dung chủ yếu trong bảo vệ bản thể quần thể kiến trúc cổ Cung Vạn Thọ. Đối với hiện trạng quần thể kiến trúc cổ cần xác định 4 biện pháp bảo tồn này.

3. Kết luận

Đối với việc thực thi quy hoạch bảo tồn, thực hiện các biện pháp đối với bản thể di tích của huyện Thạch Thiên, tỉnh Quý Châu, phải tuân thủ nguyên tắc không thay đổi nguyên trạng và các nguyên tắc can dự tối thiểu, nguyên tắc

mang tính có thể phân biệt. Nguyên trạng chỉ tất cả các thông tin có ý nghĩa lịch sử trong các đối tượng bảo tồn. Thực thi các biện pháp đối với bản thể di tích nhất thiết phải tôn trọng hình dạng ban đầu của nó, bao gồm bố cục, tạo hình, đặc trưng cách thức chuẩn và phong cách nghệ thuật của mặt bằng vốn có; đặc trưng kết cấu xây dựng ban đầu; nguyên liệu ban đầu; công nghệ kỹ thuật ban đầu. Đối với các địa phương khác nhau, cho dù là phương Đông hay phương Tây của thế giới, miền Nam hay miền Bắc của Trung Quốc đều phải tham khảo căn cứ theo các nguyên tắc về phong cách kiến trúc, phương pháp kỹ thuật thi công và các đặc điểm kiến trúc để tiến hành đề ra quy hoạch bảo tồn quần thể kiến trúc cổ tương ứng.

Lưu Lỗi

Nguồn: Tạp chí Xây dựng đô thị và nông thôn TQ, số 9/2011

ND: Kim Nhạn

HỘI NGHỊ TỔNG KẾT PHONG TRÀO CNVCLĐ VÀ CÔNG TÁC CÔNG ĐOÀN NĂM 2011, TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ NĂM 2012 CỦA CÔNG ĐOÀN XÂY DỰNG VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2012



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng phát biểu chỉ đạo Hội nghị



Chủ tịch Công đoàn XDVN Nguyễn Văn Bình phát biểu khai mạc Hội nghị